

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/ KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007, điều chỉnh ngày 31/5/2011)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2011)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Tầng 5, tòa nhà Viglacera, số 1,  
Đại lộ Thăng Long, Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: (04) 6285 3388  
Fax: (04) 6285 3366  
Website: www.mic.vn

### CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT-CN HÀ NỘI

Tầng 1-2-3, Tòa nhà Gia Long  
74 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội  
Tel: (04) 6288 2006  
Fax: (04) 6288 2008  
Website: www.vdsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Phạm Anh Tuấn Chức vụ: Kế toán trưởng  
Điện thoại: (04) 6285 3388 Fax: (04) 6285 3366

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007, điều chỉnh ngày 31/05/2011)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu: **CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI**
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng chào bán: 10.000.000 cổ phiếu. Trong đó:
  - Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 6.000.000 cổ phiếu.
  - Chào bán cho cán bộ công nhân viên: 1.500.000 cổ phiếu.
  - Chào bán cho cổ đông chiến lược: 2.500.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU .....	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	7
1. Rủi ro về kinh tế .....	7
2. Rủi ro về luật pháp .....	8
3. Rủi ro hoạt động kinh doanh .....	8
4. Rủi ro thị trường .....	9
5. Rủi ro từ đợt chào bán .....	9
6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu .....	10
7. Rủi ro khác .....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. Tổ chức phát hành.....	11
2. Tổ chức tư vấn .....	11
III. CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	13
1.1 Một số thông tin chính về Tổng Công ty .....	13
1.2 Quá trình hình thành và phát triển .....	13
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Tổng Công ty.....	15
2.1. Diễn giải.....	17
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	19
3.1. Cơ cấu vốn cổ phần trước khi chào bán cổ phiếu ra công chúng.....	19
3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Tổng Công ty.....	20
3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	21
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	23
5. Hoạt động kinh doanh .....	23
5.1. Sản phẩm chính của Tổng Công ty .....	23
5.2. Giá trị dịch vụ qua các năm .....	26
5.3. Quản lý rủi ro.....	28
5.4. Thị trường hoạt động. ....	29
5.5. Hoạt động marketing.....	30
5.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền.....	32
5.7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết .....	32
Nguồn: MIC .....	34
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	34
6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	34

6.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo .....	37
7.	Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	38
7.1.	Vị thế của Tổng Công ty trong ngành.....	38
7.2.	Triển vọng phát triển của ngành .....	39
8.	Chính sách đối với người lao động .....	40
8.1.	Tình hình lao động .....	40
8.2.	Chính sách đối với người lao động .....	41
9.	Chính sách cổ tức.....	42
10.	Tình hình hoạt động tài chính.....	43
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản .....	43
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	48
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....	48
11.1.	Danh sách HĐQT .....	50
11.2.	Danh sách Ban kiểm soát .....	57
11.3.	Danh sách Ban Giám đốc .....	60
11.4.	Kế toán trưởng .....	65
12.	Tài sản.....	66
12.1.	Thông tin chung về tình hình tài sản của Tổng Công ty .....	66
12.2.	Tài sản cố định của Tổng Công ty .....	67
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	69
14.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	70
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng .....	71
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán chào bán cổ phiếu ra công chúng.....	71
V.	<b>CỔ PHIẾU CHÀO BÁN</b> .....	71
1.	Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông.....	71
2.	Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần .....	71
3.	Tổng số cổ phần dự kiến chào bán 10.000.000 cổ phần. Trong đó: .....	71
4.	Giá chào bán dự kiến .....	71
5.	Phương thức phân phối : .....	71
6.	Phương pháp tính giá .....	72
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu .....	73
8.	Đăng ký mua cổ phiếu .....	74
9.	Phương thức thực hiện quyền .....	75
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	76
11.	Các loại thuế có liên quan .....	76
12.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu .....	76
VI.	<b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN</b> .....	77
1.	Mục đích chào bán .....	77

2.	Phương án khả thi .....	77
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....	79
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	79
1.	Tổ chức kiểm toán: .....	79
2.	Tổ chức tư vấn: .....	79
3.	Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán: .....	79
IX.	PHỤ LỤC .....	80

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Tổng Công ty (tại thời điểm 20/05/2011).....	19
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty (tại thời điểm 20/05/2011).....	20
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập.....	21
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo báo cáo hợp nhất qua các năm.....	26
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ qua các năm.....	27
Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	32
Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và theo Báo cáo hợp nhất Quý II/2011.....	34
Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý II/2011.....	35
Bảng 9: So sánh các Tổng Công ty cùng ngành đang niêm yết.....	38
Bảng 10: Tình hình lao động trong Tổng Công ty.....	40
Bảng 11: Mức cổ tức của Tổng Công ty qua các năm.....	42
Bảng 12: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	43
Bảng 13: Bình quân thu nhập/tháng của người lao động của Tổng Công ty.....	43
Bảng 14: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước năm 2010.....	44
Bảng 15: Số dư các quỹ của Tổng Công ty.....	44
Bảng 16: Tình hình dư nợ vay theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	45
Bảng 17: Tình hình dư nợ vay theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ.....	45
Bảng 18: Các khoản phải thu của MIC năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2011.....	45
Bảng 19: Các khoản phải thu của MIC năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý II/2011.....	46
Bảng 20: Các khoản phải trả của MIC năm 2009, 2010 và Quý II/2011.....	47
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	48
Bảng 22: Tình hình tài sản của Tổng Công ty năm 2009, 2010 và Quý II/2011.....	66
Bảng 23: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010.....	67
Bảng 24: Tình hình tài sản cố định theo báo cáo hợp nhất tại thời điểm 30/06/2011.....	67
Bảng 25: Tình hình tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ tại thời điểm 30/06/2011.....	68
Bảng 26: Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Tổng Công ty.....	68
Bảng 27: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Tổng Công ty.....	69

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Doanh thu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội chủ yếu đến từ hoạt động thu phí bảo hiểm của các hoạt động.

##### Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Việt Nam là quốc gia đang phát triển. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ về tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt khoảng 7%/năm. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng thu nhập nhanh chóng của người dân và làm tăng nhu cầu phục vụ đời sống dân cư và các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới giai đoạn 2008 – 2009 đã ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam nói chung. Năm 2010, sau nhiều nỗ lực từ Chính phủ cũng như bản thân từng doanh nghiệp và sự phục hồi chung của nền kinh tế thế giới, kinh tế trong nước đã có những chuyển biến tích cực hơn nhưng vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn. Bước sang năm 2011 - năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 với những nỗ lực và các giải pháp đồng bộ hy vọng sẽ là năm lạc quan về triển vọng dài hạn của Việt Nam và tăng trưởng đầu tư vào sản xuất sẽ lên mạnh.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội đã thực hiện tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh nhân tố tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá trong thời gian vừa qua cũng đã ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã tính toán rủi ro này và có định hướng phát triển riêng dựa vào các thị trường tiềm năng, ổn định mà Tổng Công ty đang khai thác.

##### Lạm phát

Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn phải đối mặt với thực tế lạm phát cao, năm 2007 là 12,6%, năm 2008 là 19,8%, đây là năm mà chỉ số giá tiêu dùng tăng kỷ lục trong hai thập kỷ qua. Năm 2009, tỷ lệ lạm phát 6,9%, tuy đã được khống chế nhưng nhìn chung giá cả ngày càng tăng. Đến năm 2010, tỷ lệ lạm phát đã tăng đột biến lên 11,75%, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề

ra kế hoạch đầu năm gần 5%. Những nguyên nhân chủ yếu gây ra sự tăng cao của chỉ số CPI trong thời gian qua là tăng giá nhóm lương thực, dịch vụ ăn uống, nhóm nhà ở, vật liệu...

Tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, chắc chắn sẽ tác động tới các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội nói riêng. Tuy nhiên, nếu các vấn đề kinh tế vĩ mô được giải quyết nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đi vào ổn định, lạm phát được kiềm chế, lãi suất hợp lý... sẽ là động lực giúp Tổng Công ty thực hiện thành công những kế hoạch kinh doanh của mình.

### **Lãi suất**

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro hệ thống, khó hạn chế trong hoạt động kinh doanh. Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Vốn vay là một nguồn vốn của Tổng Công ty, vì vậy, lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, lãi suất tăng cao có thể ảnh hưởng tới hoạt động của các khách hàng đang sử dụng dịch vụ bảo hiểm của Tổng Công ty. Qua đó, gián tiếp ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Là Tổng Công ty cổ phần nên hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty còn phải tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản hướng dẫn và các quy định khác có liên quan của Bộ Tài chính.

Nhận thức rõ vấn đề này, Tổng Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật. Tổng Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Tổng Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

### **3. Rủi ro hoạt động kinh doanh**

Kinh doanh bảo hiểm là ngành kinh doanh các rủi ro. Các sản phẩm của Tổng Công ty được xây dựng trên cơ sở tính toán và cân nhắc những rủi ro có thể xảy ra cũng như các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, với đặc thù rủi ro bảo hiểm có tính bất ngờ, nên khi rủi ro xảy ra có thể ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.



Bên cạnh những rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trực lợi bảo hiểm cũng là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Tổng Công ty. Để giảm thiểu hiện tượng này, Tổng Công ty luôn cố gắng hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường công tác quản lý và đánh giá rủi ro, cải tiến công tác giám định và giải quyết bồi thường theo hướng kịp thời, chính xác, không gây phiền hà cho khách hàng... Qua đó, giảm thiểu trực lợi bảo hiểm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Tổng Công ty cũng tham gia đầu tư tài chính, góp vốn mua cổ phần tại một số công ty niêm yết và chưa niêm yết. Trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, các khoản đầu tư của Tổng Công ty có thể phải trích lập dự phòng. Điều này sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

#### **4. Rủi ro thị trường**

Trong điều kiện hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, ngành bảo hiểm cũng như nhiều ngành nghề kinh doanh khác phải chấp nhận sự cạnh tranh không chỉ giữa các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp nước ngoài vốn đã có nhiều năm kinh nghiệm và tiềm lực tài chính hùng mạnh.

Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm với đặc thù là luôn tiềm ẩn rủi ro. Do đó, các doanh nghiệp bảo hiểm bên cạnh việc cạnh tranh khai thác thị trường còn có sự hợp tác để phân tán rủi ro, chia sẻ tổn thất thông qua hoạt động tái bảo hiểm.

Trong điều kiện thị trường kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam còn ở giai đoạn đầu phát triển, sự cạnh tranh và hợp tác giữa các doanh nghiệp bảo hiểm diễn ra đan xen, phức tạp. Vì vậy, Tổng Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, đánh giá thị trường, phân tích đối thủ cạnh tranh cũng như phối hợp, hợp tác với các đơn vị bạn để cập nhật thông tin, chia sẻ rủi ro.

#### **5. Rủi ro từ đợt chào bán**

Đợt chào bán của Tổng Công ty có thể đối mặt với rủi ro không chào bán hết cổ phần. Nếu như đợt phát hành không thành công, sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro nêu trên, Tổng Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu cho nhiều đối tượng bao gồm: cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược những người thực sự nắm rõ tiềm năng phát triển và thế mạnh của Tổng Công ty, và sẵn sàng tiếp tục đầu tư vào Tổng Công ty để phát huy những tiềm năng và thế mạnh đó. Mức giá chào bán đã được tính toán một cách hợp lý nhằm cân đối lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư cũng như Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng đã khẩn trương phối hợp với tổ chức tư vấn xây dựng và thực hiện lộ trình chào bán khoa học, hiệu quả nhằm giảm thiểu rủi ro biến động thị trường chứng khoán. Ngoài ra, trong trường hợp không chào bán hết cổ phần, Tổng Công ty sẽ có phương án phân

phối tiếp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Vì vậy, Tổng Công ty tin tưởng đợt phát hành sẽ thành công và cổ phiếu sẽ được chào bán hết.

## **6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu**

Việc tăng vốn điều lệ sẽ ảnh hưởng tới EPS (Thu nhập trên một cổ phần) và giá trị sổ sách năm 2011 của Tổng Công ty. Qua đó có thể ảnh hưởng tới giá trị giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty trên thị trường do số vốn huy động được không tham gia vào toàn bộ chu kỳ kinh doanh năm 2011 của Tổng Công ty.

Ví dụ minh họa:

- Giả định lợi nhuận sau thuế năm 2011 là: 70 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ tại 31/12/2011: 400 tỷ đồng.
- Thời điểm hoàn tất việc tăng vốn: 30/06/2011.
- Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không thay đổi.

EPS năm 2011 khi có phát hành tăng vốn của Tổng Công ty được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{EPS} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành bình quân}} \\ &= \frac{70.000.000.000 \text{ (đồng)}}{(30.000.000 \times 0,5 + 40.000.000 \times 0,5) \text{ (cổ phần)}} \end{aligned}$$

Vậy, EPS năm 2011 bằng: 2.000 đồng/cổ phần.

## **7. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro kể trên, hoạt động của Tổng Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bất ổn chính trị, chiến tranh, dịch bệnh .... Những rủi ro này có thể xảy ra với khách hàng của Tổng Công ty hoặc đối với ngay bản thân Tổng Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành**

<b>Ông Đỗ Văn Hưng</b>	<b>Chủ tịch hội đồng quản trị</b>
<b>Ông Trần Văn Quang</b>	<b>Tổng Giám đốc</b>
<b>Ông Phạm Anh Tuấn</b>	<b>Kế toán trưởng</b>
<b>Bà Vũ Thị Dung</b>	<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

**Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội**

**Đại diện theo pháp luật:**

**Ông Nguyễn Hữu Tú** Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội cung cấp.

### **III. CÁC TỪ VIẾT TẮT**

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
Tổng Công ty, Tổ chức phát hành	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
KTT	Kế toán trưởng
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
MIC	Tên giao dịch viết tắt của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
BCTC	Báo cáo tài chính
KDBH	Kinh doanh bảo hiểm
TMCP	Thương mại cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
EPS	Thu nhập trên một cổ phần
NA	Không thu thập được số liệu hoặc không có số liệu.

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1 Một số thông tin chính về Tổng Công ty

Tên công ty:	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
Tên tiếng Anh:	Military Insurance Corporation
Tên viết tắt:	MIC
Trụ sở chính:	Tầng 5, tòa nhà Viglacera, số 1, Đại lộ Thăng Long, Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại:	(04) 6285 3388
Fax:	(04) 6285 3366

Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH ngày 08/10/2007 do Bộ Tài chính cấp ngày 08/07/2007, điều chỉnh ngày 31/05/2011 với thời gian hoạt động là 99 năm.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các nghiệp vụ về bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính./.

###### 1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC) tiền thân là Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội được thành lập ngày 8/10/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH của Bộ Tài chính và là doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên thành lập theo Nghị định số 45/CP ngày 27/3/2007 của Chính Phủ với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

MIC kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy, nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh. Đồng thời, MIC kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm và đầu tư vốn.

*Năm 2007*

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và nhanh chóng hoàn thiện hệ thống bộ máy tổ chức, thành lập các phòng chức năng tại Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn.

Ban hành 80 sản phẩm bảo hiểm và các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ từ khai thác đến giám định bồi thường, nhận và nhượng tái bảo hiểm nhằm chuẩn hoá hoạt động kinh doanh và quản lý.

Ký hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng và các đối tác tiềm năng khác.

#### *Năm 2008*

Mở rộng mạng lưới kinh doanh thành lập 18 Chi nhánh và 30 phòng kinh doanh tại các tỉnh, thành phố lớn trên cả nước.

Đa dạng hóa các kênh khai thác bảo hiểm thông qua mạng lưới của Bưu chính Viettel, các điểm giao dịch của Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng.

Triển khai áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý bao gồm phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm, kế toán trên toàn hệ thống.

Đặt quan hệ hợp tác và thu xếp chương trình tái bảo hiểm cố định với các nhà nhận tái bảo hiểm có uy tín và tiềm lực tài chính hàng đầu thế giới để đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

#### *Năm 2009*

Hoàn thiện hệ thống sản phẩm và triển khai một số sản phẩm mới bao gồm:

Bảo hiểm tai nạn quân nhân áp dụng cho lực lượng vũ trang trong toàn quân;

Phối hợp với Ngân hàng TMCP Quân đội triển khai sản phẩm bảo hiểm tín dụng liên kết ngân hàng – bảo hiểm (Bancassurance);

Chương trình bảo hiểm du lịch quốc tế với sự hỗ trợ y tế toàn cầu của SOS;

Chương trình bảo lãnh viện phí với các bệnh viện lớn và có uy tín trên cả nước nhằm hỗ trợ cho khách hàng khi tham gia các loại hình bảo hiểm với mức trách nhiệm cao như bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn con người...

Phát triển và áp dụng phần mềm quản lý Nhân sự, Tái bảo hiểm, quản lý hoá đơn ấn chỉ, quản lý đại lý vào hoạt động quản lý.

Đầu tư bất động sản qua việc mua hai sàn văn phòng tại MIPEC Tower, đầu tư mua lại 69% vốn của Công ty bất động sản Tân Phú Long nhằm đa dạng hoá hoạt động đầu tư của MIC.

*Năm 2010*

Doanh thu toàn Tổng Công ty đạt 515 tỷ đồng đứng thứ 8 trên 29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam về doanh thu và là danh nghiệp đứng đầu về tỷ suất lợi nhuận trên vốn.

Hoàn thiện công tác quản lý và nhân sự tại các đơn vị thuộc và trực thuộc MIC, triển khai nhiều khóa đào tạo tập trung, đào tạo tại chỗ và đào tạo trực tuyến nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và quản lý của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống MIC.

Từng bước mở rộng cung cấp bảo hiểm cho tài sản, xe máy, tàu thuyền, các dự án thuộc Bộ Quốc phòng và bảo hiểm tai nạn quân nhân các đối tượng cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ.

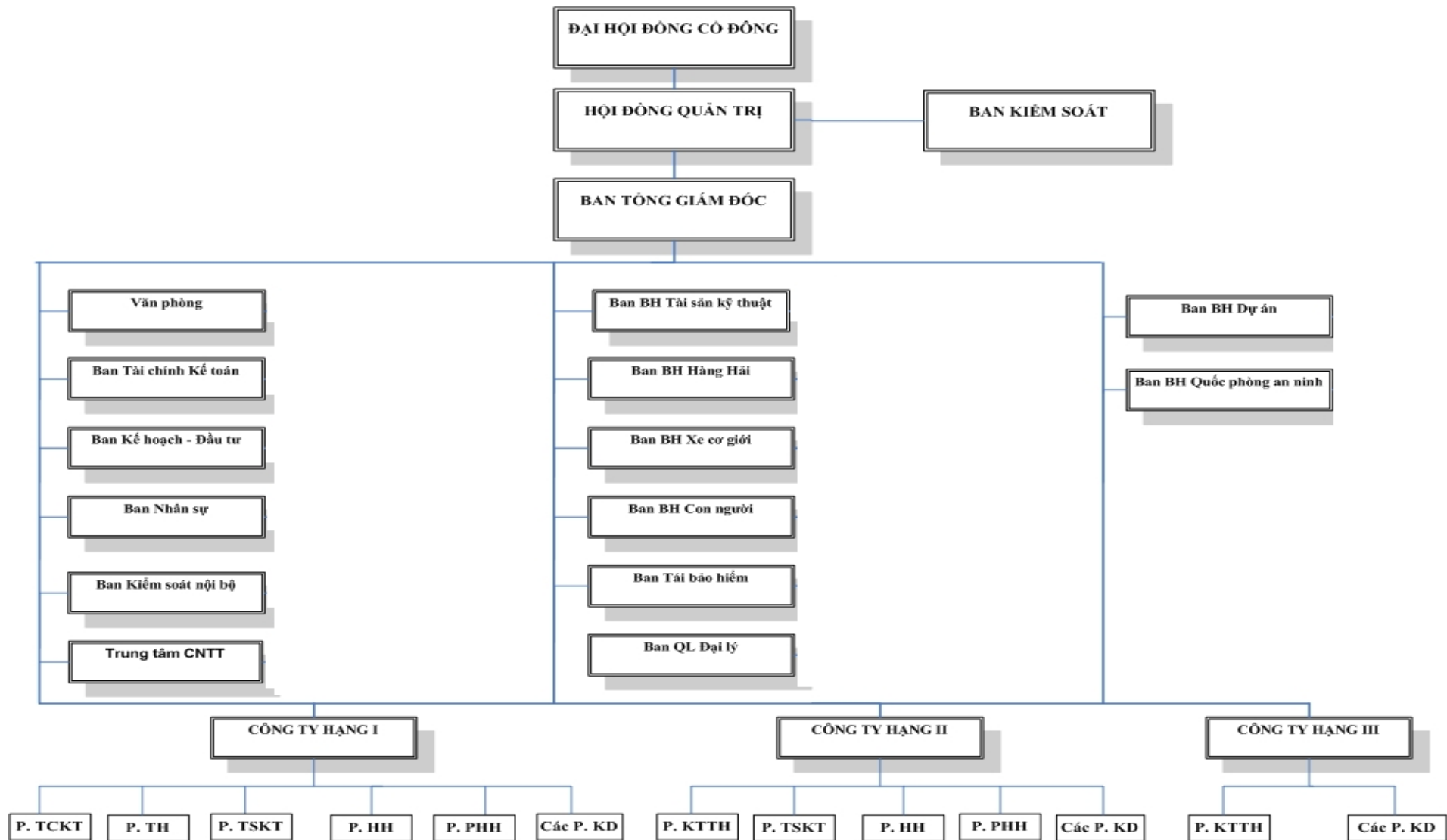
Nâng cấp phần mềm hệ thống thực hiện trên giao diện Website giúp quản lý online đối với các hoạt động khai thác, bồi thường, tái bảo hiểm, quản lý hóa đơn ấn chỉ, quản lý đại lý và hạch toán kế toán.

Tiếp nhận khu đất D47 tại xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ Bộ tư lệnh Thủ đô để thực hiện công tác đầu tư theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.

Năm 2010 MIC được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 – 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ tổ quốc; được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng Bằng khen đã có thành tích trong xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2006 – 2010; được Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”. Ngoài ra MIC còn được bạn đọc Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn là Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2010.

**2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Tổng Công ty**

Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý Tổng Công ty được tổ chức theo mô hình Tổng Công ty cổ phần với sơ đồ như sau:





## **2.1. Diễn giải**

### **2.1.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của MIC. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của MIC.
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này.
  - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

### **2.1.2. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh MIC để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MIC, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có từ 07 – 09 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của MIC.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn dưới hình thức khác; xem xét quyết định chuyển nhượng cổ phiếu ghi tên được chuyển nhượng có điều kiện.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và tiền thưởng của Tổng Giám đốc.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh hạng 1 và Trưởng văn phòng đại diện tại nước ngoài theo đề nghị của Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc trước khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng các chức danh Trưởng phòng Tổng Công ty, Giám đốc chi nhánh trực thuộc.
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hoạt động Đại hội đồng cổ đông, triệu tập

hợp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

- Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ của MIC.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **2.1.3. Ban Kiểm soát**

BKS do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm từ 03-05 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Quyền hạn và nhiệm vụ của BKS:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **2.1.4. Ban Tổng Giám đốc**

- **Tổng Giám đốc Trần Văn Quang:** Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và được ủy nhiệm đầy đủ quyền hạn cần thiết để quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của MIC. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- **Phó Tổng Giám đốc Lê Tuấn Dũng:** Trực tiếp quản lý các Ban tại Văn phòng Tổng Công ty, các Công ty thuộc địa bàn Miền Trung. Chịu trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch kinh doanh thuộc lĩnh vực bảo hiểm hàng hóa, tàu thuyền, con người toàn Tổng Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ban Bảo hiểm Dự án, Ban Bảo hiểm Quốc phòng An ninh. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Quy chế làm việc trong Ban Tổng Giám đốc.
- **Phó Tổng Giám đốc Cao Thị Hà An:** Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của MIC Hồ Chí Minh theo phân cấp của Tổng Công ty. Trực tiếp quản lý các Công ty thuộc địa bàn miền Nam. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Quy chế làm việc trong Ban Tổng Giám đốc.

- **Phó Tổng Giám đốc Lê Như Hải:** Trực tiếp chỉ đạo hoạt động đầu tư trong phạm vi công việc được Tổng Giám đốc giao phó. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính của Tổng Công ty. Thực hiện các công việc theo phân công công việc cụ thể của Tổng Giám đốc. Thường xuyên báo cáo Tổng Giám đốc quá trình triển khai và kết quả công việc được giao.

#### **2.1.5. Các phòng ban và các đơn vị trực thuộc**

**Văn phòng Tổng Công ty:** Văn phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong việc chỉ đạo, điều hành các Ban tại Tổng Công ty để thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, quy chế làm việc và trực tiếp tổ chức thực hiện các công tác sau: Công tác tổng hợp, thư ký; Công tác hành chính, quản trị; Công tác tuyên truyền, quảng cáo; Công tác quan hệ quốc tế, đối ngoại và lễ tân; Các công tác khác.

**Ban kiểm soát nội bộ:** Ban kiểm soát nội bộ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động của Tổng Công ty.

**Ban bảo hiểm Quốc phòng – An ninh:** Ban bảo hiểm Quốc phòng – An ninh có chức năng tham mưu cho lãnh đạo Tổng Công ty trong việc triển khai dịch vụ bảo hiểm phục vụ lực lượng vũ trang và trực tiếp kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc lĩnh vực bảo hiểm bao gồm các công việc cụ thể sau: Công tác khai thác; Công tác giám định tai nạn, tổn thất; Công tác giải quyết bồi thường; Công tác khác.

....

3. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.**

#### **3.1. Cơ cấu vốn cổ phần trước khi chào bán cổ phiếu ra công chúng**

**Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Tổng Công ty (tại thời điểm 20/05/2011)**

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%/Vốn điều lệ)
1. Cổ đông trong nước	423	30.000.000	100
<i>Pháp nhân</i>	<i>9</i>	<i>20.220.000</i>	<i>67,40</i>
<i>Thế nhân</i>	<i>414</i>	<i>9.780.000</i>	<i>32,60</i>
2. Cổ đông nước ngoài	-	-	-
<i>Pháp nhân</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%/Vốn điều lệ)
<i>Thế nhân</i>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>423</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100</b>

Nguồn: MIC

**3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Tổng Công ty**

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Tổng Công ty (tại thời điểm 20/05/2011)**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội	Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	18	54.000	5.400.000
2	Công Ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát Triển Công Nghệ Cao	Số 30B - C - D Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	11	33.000	3.300.000
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	7	21.000	2.100.000
4	Công Ty Cổ Phần Hoá Dầu Quân Đội	Số 33B Phạm Ngũ Lão, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	7	21.000	2.100.000
5	Công ty TNHH một thành viên 319	Ngõ 154, Đường Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội	6,83	20.500	2.050.000
6	Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	Số 206A Đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	5,23	15.700	1.570.000

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)
7	Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Xây dựng Trường Sơn	Số 475, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	5	15.000	1.500.000

Nguồn: MIC

**3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập**

STT	Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội Người đại diện: Ông Phạm Tuấn	18	54.000	5.400.000
2	Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Người đại diện: Ông Phạm Hà Trung	7	21.000	2.100.000
3	Công ty cổ phần Hóa dầu Quân Đội Địa chỉ: Số 1B, Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội Người đại diện: Ông Đào Ngọc Thạch	7	21.000	2.100.000
4	Công ty Cổ phần Đức Hoàng Địa chỉ: Số 28A Phố Phạm Hồng Thái, P.Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội Người đại diện: Ông Vũ Thanh Bình	7	21.000	2.100.000

STT	Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị vốn góp (triệu đồng)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)
5	Công ty Xây dựng 319 Địa chỉ: Ngõ 154, Đường Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội Người đại diện: Ông Lê Quang Hiệp	7	21.000	2.100.000
6	Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn Địa chỉ: H2, P. Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Người đại diện: Ông Lương Sỹ Nhung	5	15.000	1.500.000
7	Công ty Tài chính Dầu khí Địa chỉ: Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Sơn	4	12.000	1.200.000
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ cao Địa chỉ: Số 30 B-C-D Lý Nam Đế, P. Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Người đại diện: Ông Nguyễn Cảnh Hồng	11	33.000	3.300.000
9	Công ty Cổ phần Đức Mạnh Địa chỉ: Số 90 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, T.p Đà Nẵng Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Chi	4	12.000	1.200.000

Nguồn: MIC

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

**4.1. Công ty mẹ:**

Không có.

**4.2. Công ty Con:**

**Công ty cổ phần Đầu tư MIC**

Đăng ký kinh doanh số: 0105199713 cấp ngày 18/03/2011 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 54, đường Lê Văn Lương, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội: 99%

**5. Hoạt động kinh doanh**

**5.1. Sản phẩm chính của Tổng Công ty**

**a. Bảo hiểm xe cơ giới**

Bảo hiểm xe cơ giới vẫn là nghiệp vụ bảo hiểm dẫn đầu thị trường. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh số của nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới toàn thị trường trong năm 2010 đạt 5.378 tỷ đồng (tăng 23% so với năm 2009), trong đó MIC đóng góp 217,43 tỷ đồng. Toàn thị trường đã bồi thường khoảng 2.683 tỷ đồng chiếm gần 50% trên doanh thu, tỷ lệ bồi thường của MIC là 49,41% cũng bằng tỷ lệ bồi thường chung của thị trường.

Nghiệp vụ bảo hiểm mô tô, xe máy: MIC đã tập trung mở rộng mạng lưới bán lẻ bảo hiểm mô tô, xe máy từ năm 2009 để tạo dựng hình ảnh thương hiệu MIC tới đông đảo người dân, do đó doanh thu đạt 39,26 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2009, tỷ lệ bồi thường 9,32% tạo ra kết quả kinh doanh rất tốt đối với nghiệp vụ này.

Nghiệp vụ bảo hiểm ô tô: Doanh thu đạt 178,17 tỷ đồng tăng 8,84% so với năm 2009; tỷ lệ bồi thường 56% và có xu hướng gia tăng đòi hỏi phải có các biện pháp kiểm soát rủi ro chặt chẽ để kiềm chế sự gia tăng này. Tỷ lệ tổn thất cao do phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba chưa tương xứng với bồi thường và theo quy định thì người bảo hiểm vẫn phải bồi thường khi người được bảo hiểm không có lỗi; tổn thất vật chất xe tại các thành phố lớn tăng nhanh do lưu lượng xe quá đông gây ra tổn thất tuy nhỏ nhưng tần suất lớn trong khi giá cả phụ tùng cũng tăng cao đặc biệt là phụ tùng chính hãng. Trong năm 2010, MIC tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý, giám sát trong việc phân chia nhóm xe tham gia bảo hiểm, tính phí bảo hiểm, thận

trọng trong việc áp dụng các điều khoản bổ sung mở rộng, lựa chọn đối tượng bảo hiểm, đồng thời thường xuyên đào tạo nâng cao trình độ cán bộ, đại lý phục vụ cho các công tác bán hàng và sau bán hàng, tăng cường công tác kiểm tra xác minh trực lợi bảo hiểm...

Xét về cơ cấu doanh thu theo nghiệp vụ thì bảo hiểm ô tô chiếm tỷ lệ 81,95% và xe máy là 18,05% trong năm 2010, so với năm 2009 tương ứng là 86% và 14%. Năm 2010 MIC đã phát động chiến dịch bảo hiểm xe máy trong 6 tháng và kết quả về phát triển doanh thu và mạng lưới bán hàng là rất tốt. Định hướng nghiệp vụ trong năm 2011 là tiếp tục thúc đẩy phát triển nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và xác định đây là nghiệp vụ mũi nhọn của Tổng Công ty, trong đó tập trung vào phát triển bảo hiểm xe máy và tăng cường kiểm soát rủi ro đối với bảo hiểm ô tô.

#### **b. Bảo hiểm tài sản kỹ thuật**

Mặc dù mới được thành lập và đi vào hoạt động, sau hơn 3 năm MIC đã có những bước tăng trưởng lớn về doanh thu, đặc biệt là nghiệp vụ bảo hiểm tài sản kỹ thuật (TSKT), tổng doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm tài sản kỹ thuật năm 2010 đạt 110,92 tỷ đồng, chiếm 26,75% doanh thu bảo hiểm gốc toàn Tổng Công ty, tăng trưởng 48,32% so với năm 2009, số tiền bồi thường là 10,24 tỷ đồng chiếm 9,23% doanh thu. Tỷ lệ tổn thất là rất tốt so với mức bình quân chung của thị trường.

Nghiệp vụ bảo hiểm tài sản: Bao gồm các sản phẩm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt, bảo hiểm mọi rủi ro tài sản và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh. Doanh thu năm 2010 đạt 25,08 tỷ đồng chiếm 6,05% tổng doanh thu, tỷ lệ tổn thất 5,2% là kết quả của việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh nghiệp vụ này sau một loạt tổn thất nặng nề xảy ra trong năm 2009. MIC đã thực hiện đánh giá và kiểm soát rủi ro tốt hơn thông qua việc phân chia đối tượng thuộc nhóm rủi ro cao thành nhiều loại, theo đó các đơn vị trực thuộc chỉ được phân cấp khai thác bảo hiểm cho một số loại tài sản còn lại phải xin ý kiến Tổng Công ty và phải thỏa mãn các điều kiện và mức phí bảo hiểm theo đúng quy định của Tổng Công ty. Đặc biệt một số đối tượng có rủi ro rất cao và nguy cơ trực lợi bảo hiểm nhiều như các kho hàng thuộc sở hữu tư nhân, kho hàng bách hóa tổng hợp, các cơ sở chế biến gỗ, các nhà máy giày da, mùng mền, ga gối... nằm trong danh sách loại trừ bảo hiểm của MIC.

Nghiệp vụ bảo hiểm kỹ thuật: Bao gồm các sản phẩm bảo hiểm xây dựng, lắp đặt, bảo hiểm máy móc, bảo hiểm nôi hơi, bảo hiểm thiết bị điện tử. Doanh thu năm 2010 đạt 85,84 tỷ đồng chiếm 20,7% tổng doanh thu, tăng trưởng 81,52% so với năm 2009, tỷ lệ tổn thất là 10,14%. Trong nghiệp vụ này sản phẩm bảo hiểm xây dựng lắp đặt chiếm tỷ trọng chủ yếu 87,09%. Bên cạnh các dự án lớn của Bộ Quốc phòng như dự án xây dựng đường tuần tra biên giới, đường Đông Trường sơn, MIC đã tham gia cung cấp bảo hiểm xây dựng các dự án lớn khác như tòa cao ốc Sài Gòn M&C, khu tổ hợp văn phòng và khách sạn MIPEC Tower... Đây là nghiệp vụ MIC đẩy mạnh khai thác thông qua các cơ chế khoán về tiền lương và chi phí.



Nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm và hỗn hợp: Bao gồm các sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tiền, trộm cắp... với doanh thu 9,08 tỷ đồng. Tuy đây là nghiệp vụ có tỷ trọng doanh thu ít nhất nhưng lại là nghiệp vụ có hiệu quả nhất, tính đến hết năm 2010 tỷ lệ tổn thất là 2,45%.

Nghiệp vụ bảo hiểm tài sản kỹ thuật là nghiệp vụ đóng góp lớn vào cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty chỉ đứng sau nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới nên định hướng trong năm 2011 là tiếp tục chính sách kinh doanh nghiệp vụ theo hướng kiểm soát chặt chẽ quy trình khai thác bảo hiểm và đánh giá rủi ro đặc biệt chú ý tới việc bảo hiểm cho tài sản thuộc nhóm rủi ro cao như các kho hàng hoá, xăng dầu, nhà máy sản xuất gỗ, giấy, nhựa, chăn ga gối đệm, hay bảo hiểm cho xây dựng lắp đặt các công trình cầu, đường và các công trình có liên quan tới rủi ro ướn... Thúc đẩy các sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm và hỗn hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Xây dựng cơ chế khuyến khích khai thác bảo hiểm đối với các đối tượng bảo hiểm có rủi ro tốt và các khách hàng có chính sách quản lý rủi ro tốt, đồng thời xây dựng hướng dẫn bảo hiểm chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm áp dụng cho từng đối tượng bảo hiểm cụ thể.

### **c. Bảo hiểm hàng hải**

Tính đến hết 31/12/2010 doanh thu nghiệp vụ hàng hải của MIC đạt 52,54 tỷ đồng chiếm 12,67% tổng doanh thu, tăng trưởng 20%, trong đó nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá đạt 22,65 tỷ đồng, tăng trưởng 11,11%, bảo hiểm tàu thuyền đạt 29,89 tỷ đồng, tăng trưởng 27,74%. Hầu hết các nghiệp vụ đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, tuy nhiên kết quả doanh thu vẫn chưa được như mong đợi vì một số lý do:

Hoạt động kinh doanh giảm do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, dẫn đến nhu cầu bảo hiểm hàng hoá vận chuyển giảm.

Việc giảm phí vận chuyển và giảm giá hàng hóa đã khiến rất nhiều chủ tàu biển xem xét lại công việc kinh doanh, dẫn đến việc tạm ngừng hoạt động của một số tàu hàng và không tham gia bảo hiểm cho tàu thuyền.

Giá trị tàu thuyền giảm so với năm 2009, trong khi đó tỷ lệ phí bảo hiểm trên thị trường cũng giảm để cạnh tranh và do tàu ít hoạt động, nên số phí thu được cũng giảm theo.

MIC áp dụng chính sách thắt chặt quản lý khai thác đối với tàu cá, các tàu già, hàng chờ rời cùng với việc huỷ đơn khi khách hàng không nộp phí bảo hiểm đã ảnh hưởng tới sự tăng trưởng doanh thu.

### **d. Bảo hiểm con người**

Năm 2010, doanh thu bảo hiểm tai nạn và sức khỏe con người toàn thị trường đạt 2.502 tỷ đồng, tăng trưởng 27,6% so với năm 2009, tổng số tiền bồi thường nghiệp vụ là 1.077 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 43,1%. Thị trường đã cho ra đời nhiều sản phẩm bảo hiểm tai nạn, sức khỏe con

người mới có tính đặc thù và cạnh tranh cao. Nhờ có quản lý tốt nên tỷ lệ bồi thường đã giảm đáng kể so với năm 2009.

Doanh thu bảo hiểm con người của MIC năm 2010 đạt 24,65 tỷ đồng, chiếm 5,95% tổng doanh thu, tăng trưởng 14,5% so với năm 2009, tổng số tiền bồi thường là 5,97 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 24,23%.

Sản phẩm bảo hiểm TAI NẠN QUÂN NHÂN đã được triển khai trong năm 2009 vẫn được tiếp tục triển khai ở phạm vi rộng hơn trong năm 2010. MIC cũng đã phát triển thêm một số sản phẩm chất lượng cao như Du lịch toàn cầu, bảo hiểm Tín dụng cá nhân, triển khai chương trình bảo lãnh viện phí tại các bệnh viện trong cả nước.

Định hướng 2011, MIC thúc đẩy các sản phẩm có hiệu quả như bảo hiểm du lịch, bảo hiểm học sinh cho các trường Trung học Phổ thông, trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học, bảo hiểm tai nạn quân nhân... đồng thời hạn chế một số sản phẩm truyền thống có tỷ lệ tổn thất cao như bảo hiểm nằm viện phẫu thuật, bảo hiểm kết hợp con người với quyền lợi chi trả theo phương thức khoán trên cơ sở tỷ lệ thương tật.

**e. Hoạt động đầu tư tài chính**

Là một tổ chức tài chính, bên cạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Tổng Công ty còn tham gia hoạt động đầu tư tài chính nhằm phân tán rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở phân tích và đánh giá một cách thận trọng về cơ hội và những rủi ro từ hoạt động đầu tư theo một quy trình khoa học và chặt chẽ. Hoạt động đầu tư tài chính của Công ty chủ yếu là đầu tư trái phiếu dài hạn, có mức độ rủi ro thấp. Hoạt động đầu tư cổ phiếu ngắn hạn thực hiện với giá trị không lớn và trên cơ sở nắm bắt đầy đủ thông tin về doanh nghiệp.

**5.2. Giá trị dịch vụ qua các năm**

**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo báo cáo hợp nhất qua các năm**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên dịch vụ	Năm 2009		Năm 2010		6 tháng đầu năm 2011	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu bảo hiểm gốc	341.708	78,38	414.621	76,18	205.056	80,06
2	Doanh thu nhận tái bảo hiểm	26.441	6,07	36.582	6,72	20.725	8,09

TT	Tên dịch vụ	Năm 2009		Năm 2010		6 tháng đầu năm 2011	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
3	Doanh thu nhượng tái bảo hiểm	20.900	4,79	29.168	5,36	-	-
4	Thu khác từ hoạt động KDBH	148	0,03	279	0,05	8.609	3,36
5	Doanh thu đầu tư	46.740	10,72	63.617	11,69	21.729	8,48
	<b>Tổng cộng</b>	<b>435.937</b>	<b>100</b>	<b>544.267</b>	<b>100</b>	<b>256.119</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC

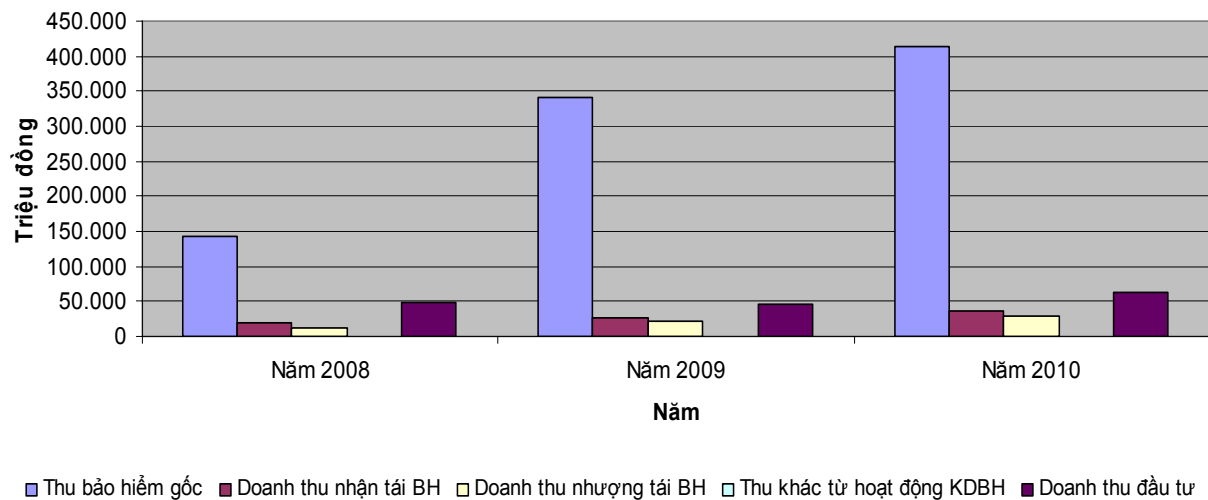
**Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ qua các năm**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dịch vụ	Năm 2009		Năm 2010		6 tháng đầu năm 2011	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu bảo hiểm gốc	341.708	78,38	414.621	76,18	205.056	80,06
2	Doanh thu nhận tái bảo hiểm	26.441	6,07	36.582	6,72	20.725	8,09
3	Doanh thu nhượng tái bảo hiểm	20.900	4,79	29.168	5,36	-	-
4	Thu khác từ hoạt động KDBH	148	0,03	279	0,05	8.609	3,36
5	Doanh thu đầu tư	46.740	10,72	63.617	11,69	21.729	8,48
	<b>Tổng cộng</b>	<b>435.937</b>	<b>100</b>	<b>544.267</b>	<b>100</b>	<b>256.119</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC

Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Tổng Công ty qua các năm



### 5.3. Quản lý rủi ro

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm đòi hỏi phải quản lý và kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Do đặc thù kinh doanh, trong thời gian qua, MIC luôn chú trọng tới công tác quản trị rủi ro. Cụ thể:

Đối với hoạt động bảo hiểm gốc: Tổng Công ty tập trung nguồn lực về con người và vật chất để đầu tư vào những nghiệp vụ có hiệu quả. Áp dụng quy trình tác nghiệp chặt chẽ, khoa học trong quản lý, giám định, bồi thường và hạn chế tối đa trực lợi bảo hiểm.

Đối với hoạt động tái bảo hiểm: Các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm vừa phải đáp ứng khả năng cạnh tranh trong khai thác bảo hiểm gốc. Mặt khác, các hợp đồng này phải đảm bảo an toàn tài chính cho MIC.

Đối với hoạt động giám định bồi thường: Thực hiện tốt công tác giám định, bồi thường, hạn chế trực lợi bảo hiểm. Tuy nhiên, MIC xác định tăng cường hoạt động quản lý rủi ro không đồng nghĩa với việc thắt chặt công tác bồi thường. Giải quyết bồi thường chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình và quy định của pháp luật là phương châm hoạt động của Tổng Công ty trong lĩnh vực này.

Đối với hoạt động đầu tư tài chính: không chỉ theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, MIC còn quan tâm tới nhiệm vụ quản lý rủi ro, bảo toàn đồng vốn thông qua việc quản lý đầu tư tài chính khoa học, sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi, huy động tối đa tiền vào đầu tư sinh lợi, đồng thời vẫn đảm bảo nhu cầu chi tiêu thường xuyên của Tổng Công ty. Với một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm, hoạt động này đã không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý rủi ro và bảo toàn vốn mà còn là hoạt động sinh lợi của MIC.

#### 5.4. Thị trường hoạt động.

##### 5.4.1. Mạng lưới chi nhánh

Hiện nay, Tổng Công ty có 19 Công ty, 51 phòng kinh doanh hoạt động độc lập và 1.318 đại lý trải dài trên khắp đất nước, là đầu mối giao dịch của Tổng Công ty với hệ thống khách hàng rộng khắp. Những chi nhánh, phòng kinh doanh và đại lý này nằm trong mạng lưới kinh doanh thống nhất trên toàn quốc nhằm phát triển các thị trường tiềm năng và được thành lập trên cơ sở nghiên cứu kỹ tiềm năng các địa bàn trọng tâm, trọng điểm để phát triển mạng lưới kinh doanh phù hợp.

##### 5.4.2. Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng

###### Các loại sản phẩm bảo hiểm mà Tổng Công ty cung cấp

- Kinh doanh bảo hiểm gốc

<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;</li><li>▪ Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;</li><li>▪ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không;</li><li>▪ Bảo hiểm xe cơ giới;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Bảo hiểm cháy, nổ;</li><li>▪ Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu;</li><li>▪ Bảo hiểm trách nhiệm chung;</li><li>▪ Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;</li><li>▪ Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh</li></ul>
---	--

- Kinh doanh tái bảo hiểm: nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

###### Các đối tác, khách hàng lớn của Tổng Công ty

- Các đối tác, khách hàng lớn của Tổng Công ty là những doanh nghiệp trong và ngoài Quân đội, hoạt động trên địa bàn trải rộng từ Bắc, Trung, Nam với nhiều ngành nghề và lĩnh vực khác nhau.

###### Định hướng phát triển sản phẩm và đối tượng khách hàng

- Phát triển các sản phẩm mới như bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các ngành nghề khác nhau, bảo hiểm du lịch quốc tế, bảo hiểm tín dụng, các sản phẩm bảo hiểm trọn gói cho cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng;
- Phối hợp chặt chẽ với các đối tác trong Quân đội và thúc đẩy các sản phẩm bảo hiểm

- Bancassurance thông qua hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội;
- Tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ để có thể cung cấp cho khách hàng dịch vụ bảo hiểm có chất lượng;
  - Ưu tiên thúc đẩy phát triển hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo công tác quản lý được cập nhật liên tục kịp thời giúp ban lãnh đạo ra quyết định linh hoạt và sát với thực tiễn;

### **5.4.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Theo báo cáo của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính; năm 2010, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường phi nhân thọ đạt 17.017 tỷ đồng, tăng 23,72% so với năm 2009; có 27/29 doanh nghiệp bảo hiểm tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm. MIC chiếm thị phần 2,62% và đứng thứ 8 trong tổng số 29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Tỷ lệ bồi thường bình quân chung toàn thị trường chiếm 37,44% (đây là tỷ lệ bồi thường thực tế đã giải quyết); tỷ lệ bồi thường của MIC chiếm 29,93% (bao gồm cả phần bồi thường đã giải quyết và phần ước đưa vào dự phòng bồi thường năm 2011). Trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm có tỷ lệ bồi thường cao nhất là 74,72%.

Trong số 29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có 15 doanh nghiệp bị lỗ trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trong đó có 9 doanh nghiệp trong nước và 6 doanh nghiệp nước ngoài (liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài). Về lợi nhuận trước thuế, thị trường có 05 doanh nghiệp bị lỗ.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của MIC đạt 11,293 tỷ đồng. Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội là doanh nghiệp đạt hiệu quả hoạt động kinh doanh cao nhất thị trường với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 22%; Bảo Việt đạt 19,3% và đứng thứ ba là Bảo Việt Tokio Marine đạt 17%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu toàn thị trường năm 2010 đạt 7,66%; trong đó các doanh nghiệp trong nước đạt 9,24%, các doanh nghiệp nước ngoài đạt 1,72%.

Nhìn chung thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm nay phát triển tốt hơn năm 2009: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2010 lỗ 214,927 tỷ đồng, so với năm 2009 lỗ là 504,229 tỷ đồng; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng 11,34% (7,66%/6,88%); tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ toàn thị trường tăng 11.43% (9,95%/8,93%).

### **5.5. Hoạt động marketing**

Trong thời gian qua MIC đã triển khai nhiều hoạt động marketing, hoạt động truyền thông để quảng bá thương hiệu cũng như sản phẩm dịch vụ của MIC đến đối tác, khách hàng trên cả nước, cụ thể như sau:

- Về biển tấm lớn: MIC đã đặt biển quảng cáo tấm lớn tại Hà Nội (trên đường cao tốc Thăng

Long – Nội Bài), tại TP Hồ Chí Minh (trên đường Xa Lộ Hà Nội), đặt biển quảng cáo tại khu vực sân bay Pleiku, tỉnh Gia Lai, khu du lịch suối khoáng tỉnh Khánh Hòa .....

- Về truyền hình: MIC đã ký hợp đồng hợp tác với Truyền hình Quân đội sản xuất các chương trình phóng sự, tọa đàm giới thiệu sản phẩm, khách mời trường quay, đưa tin thường xuyên về hoạt động kinh doanh của MIC. MIC còn hợp tác với Truyền hình Quân khu để hỗ trợ đưa tin cho các đơn vị địa phương....Ngoài ra, MIC còn đưa tin trên một số chương trình Bản tin tài chính kinh doanh (VTV1), bữa sáng doanh nhân (SCTV8, VTC8), doanh nghiệp 24h (VTC1).....
- Về báo chí, báo điện tử: MIC phối hợp với Báo Quân đội Nhân dân, Tạp chí Công nghiệp Quốc phòng, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, Tạp chí Tài chính Quân đội, Tạp chí Quốc phòng Toàn dân....và các báo, tạp chí ngoài quân đội như Thời báo Kinh tế Việt Nam, Thời báo Ngân hàng, Báo Sài Gòn Giải phóng Đầu tư Tài chính, Thời báo Tài chính, Tạp chí đầu tư chứng khoán, báo diễn đàn doanh nghiệp, báo công thương.....Một số trang báo điện tử: [www.thuonghieuviet.com.vn](http://www.thuonghieuviet.com.vn), [nld.com.vn](http://nld.com.vn), [qnd.vn](http://qnd.vn), [webbaohiem.net](http://webbaohiem.net),.....đưa tin hoạt động kinh doanh của MIC.
- Hoạt động xã hội: Tặng quà tết cho các gia đình nghèo dân tộc thiểu số tại Raklay, tặng quà cho Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan, tặng nhà “Mái ấm biên cương”, nhà “Tình đồng đội” tại Cần Thơ, ủng hộ đồng bào bị lụt lụt tại Huế, Quảng Nam.....tham gia tài trợ cho cuộc thi bắn pháo hoa Quốc tế tại Đà Nẵng, ủng hộ chiến thắng của đội tuyển bóng đá nam và nữ Việt Nam tại Seagames 25 và tích cực tham gia tháng hành động vì môi trường...
- Tài trợ: MIC tài trợ, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nghiên cứu khoa học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, kỷ niệm thành lập đài phát thanh quân đội, kỷ niệm Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng và liên hoan truyền hình toàn quân....
- In tờ rơi, ấn phẩm, tài liệu, lịch năm mới, quà tặng phục vụ công tác kinh doanh, giới thiệu sản phẩm và quảng bá thương hiệu đến khách hàng, đối tác.

Tổng Công ty đã đạt nhiều danh hiệu, Năm 2010 MIC được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 – 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc; được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng Bằng khen đã có thành tích trong xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2006 – 2010; được Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”. Ngoài ra MIC còn được bạn đọc Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn là Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2010.

**5.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu MIC đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:



**5.7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết**

**Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

TT	Tên công trình hoặc HĐ bảo hiểm	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Thời hạn Hợp đồng		Tên đơn vị ký hợp đồng
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	BH Kho xăng dầu của Cục xăng dầu – Bộ quốc phòng	1.800	31/12/2010	12 tháng	Cục xăng dầu – Bộ quốc phòng
2	BH Kho xăng dầu của Tổng công ty xăng dầu Quân đội	1.560,672	30/01/2011	12 tháng	Tổng công ty xăng dầu Quân đội – Bộ quốc phòng
3	BH dây truyền sản xuất pháo hoa Công ty TNHH 1 thành viên Hóa chất 21	1.211,21	20/04/2011	12 tháng	Công ty TNHH 1 thành viên Hóa chất 21
4	BH hệ thống nhà máy dệt may của công ty X20 – Tổng cục hậu cần	962,058	21/01/2011	12 tháng	Công ty X20 – Tổng cục hậu cần
5	BH dự án xây dựng tòa nhà của Công ty CP Bất động sản MIPEC	400,257	15/03/2011	36 tháng	Công ty CP Bất động sản MIPEC



TT	Tên công trình hoặc HĐ bảo hiểm	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Thời hạn Hợp đồng		Tên đơn vị ký hợp đồng
			Bắt đầu	Kết thúc	
6	BH dự án xây dựng trung tâm nghiên cứu khoa học – học viện KTQS	606,430	23/03/2011	60 tháng	Học viện kỹ thuật quân sự
7	BH dự án xây dựng nhà ở phục vụ cán bộ chuyên viên cao cấp đương chức tại văn phòng Quốc hội	618,629	23/02/2011	36 tháng	Cty CP đầu tư đô thị và khu CN Sông Đà 7
8	BH xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty 789	1.091,163	01/04/2010	60 tháng	Công ty 789 Bộ Quốc Phòng
9	BH dự án xây dựng nhà máy Thủy điện Thượng Nhật, huyện Đông Nam, tỉnh Thừa Thiên Huế	1.994,3	10/05/2010	36 tháng	Công ty CP Đầu tư Thủy Điện Miền Trung VN
10	Dự án xây dựng khu chức năng đô thị TIMES CITY	15.641,9	10/03/2011	48 tháng	Công ty CP Phát triển đô thị Nam Hà Nội
11	BH đóng 03 tàu dầu của Cty CP Đại Dương	1.500	01/09/2010	01/03/2012	Cty CP Đại Dương
12	BH tàu Vinalines Queen	118.000 USD	08/09/2010	07/09/2011	VINALINES
13	BH tàu Phú Hưng 08	955,4	10/03/2011	09/03/2012	Công Ty TNHH HOÀNG LONG
14	BH đội tàu của Cty Giang Nam	1.610,2	09/04/2011	08/04/2012	Cty TNHH TM & DV Giang Nam
15	BH tàu Phú Hưng 08	955,4	10/03/2011	09/03/2012	Công Ty TNHH HOÀNG LONG

TT	Tên công trình hoặc HĐ bảo hiểm	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)	Thời hạn Hợp đồng		Tên đơn vị ký hợp đồng
			Bắt đầu	Kết thúc	
16	BH đội tàu của Cty Tân Cảng số 2	712,45	31/03/2011	31/03/2012	Cty Tân Cảng số 2

Nguồn: MIC

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và theo Báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm năm 2010 so với 2009	6 tháng đầu năm 2011
1	Tổng giá trị tài sản	686.615	1.070.622	55,93	759.759
2	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	341.708	414.621	21,34	205.056
3	Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	26.441	36.582	38,35	20.725
	<b>Cộng doanh thu (2+3)</b>	<b>368.149</b>	<b>451.203</b>	<b>22,56</b>	<b>225.781</b>
4	Các khoản giảm trừ (nhượng tái bảo hiểm, giảm phí, hoàn phí)	68.607	96.456	40,59	34.825
5	Tăng dự phòng phí	89.489	27.912	-68,81	-
6	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	20.900	29.168	39,56	-
7	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	148	279	88,51	8.609

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm năm 2010 so với 2009	6 tháng đầu năm 2011
8	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	231.101	356.282	54,17	199.565
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-8.705	11.294	NA	-718
10	Lợi nhuận hoạt động tài chính	40.602	54.450	34,11	21.228
11	Lợi nhuận khác	80	244	205	43
12	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	32.196	66.456	106,41	20.553
13	Thuế TNDN	8.049	16.614	106,41	5.129
14	Lợi nhuận sau thuế	23.928	49.374	109,22	15.000
15	Tỷ lệ cổ tức	12%	11%		NA

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

**Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm năm 2010 so với 2009	6 tháng đầu năm 2011
1	Tổng giá trị tài sản	686.615	1.070.622	55,93	754.488
2	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	341.708	414.621	21,34	205.056
3	Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	26.441	36.582	38,35	20.725
	<b>Cộng doanh thu (2+3)</b>	<b>368.149</b>	<b>451.203</b>	<b>22,56</b>	<b>225.781</b>

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm năm 2010 so với 2009	6 tháng đầu năm 2011
4	Các khoản giảm trừ (nhượng tái bảo hiểm, giảm phí, hoàn phí)	68.607	96.456	40,59	34.825
5	Tăng dự phòng phí	89.489	27.912	-68,81	-
6	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	20.900	29.168	39,56	-
7	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	148	279	88,51	8.609
8	<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>231.101</b>	<b>356.282</b>	<b>54,17</b>	<b>199.565</b>
9	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>-8.705</b>	<b>11.294</b>	<b>NA</b>	<b>-718</b>
10	Lợi nhuận hoạt động tài chính	40.602	54.450	34,11	21.228
11	Lợi nhuận khác	80	244	205	43
12	<b>Lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>32.196</b>	<b>66.456</b>	<b>106,41</b>	<b>20.553</b>
13	Thuế TNDN	8.049	16.614	106,41	5.138
14	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>23.928</b>	<b>49.374</b>	<b>109,22</b>	<b>15.415</b>
15	Tỷ lệ cổ tức	12%	11%		NA

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

**Chúng tôi xin lưu ý người đọc như sau:**

- Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, đơn vị kiểm toán đã lưu ý người đọc về Xử lý kế toán khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam đối với số dư khoản Chi phí trả trước trên Bảng Cân đối kế toán bao gồm 11.375.321.893 đồng là khoản chi phí quản lý phát sinh cuối năm 2009 nhưng chưa được ghi nhận vào chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận được

thực hiện, lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 và số dư khoản mục chi phí trả trước sẽ giảm một khoản tương ứng. Ngoài ra, tại thuyết minh số 17 của Báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã sử dụng dự phòng dao động lớn để bù đắp cho các tổn thất lớn phát sinh trong năm mặc dù phí giữ lại vẫn đảm bảo đủ bù đắp chi phí bồi thường. Điều này làm khoản mục chi bồi thường bảo hiểm gốc giảm 12.061.617.424 đồng.

- Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, số liệu năm 2009 được trình bày lại do Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố dự phòng dao động lớn năm 2009 trích lập và sử dụng chưa đầy đủ và quyết định nắm giữ dài hạn khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tân Phú Long. Số liệu năm 2009 được trình bày tại Bản cáo bạch này là số liệu đã được trình bày lại.

## **6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo**

### **6.2.1. Thuận Lợi**

Sự phát triển của ngành bảo hiểm

- ❖ Bất chấp những biến động kinh tế vĩ mô và khủng hoảng tài chính, ngành Bảo hiểm Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng ấn tượng. Năm 2010, theo số liệu của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính, thị trường Bảo hiểm tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 23,72% so với năm 2009; tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn thị trường đạt 17.017 tỷ đồng. Tiềm năng thị trường Bảo hiểm Việt Nam hiện tại vẫn còn rất lớn. Với dân số trên 86 triệu người, tổng giá trị toàn thị trường Bảo hiểm vẫn ở dưới mức phát triển, chỉ bằng 1,4% GDP (*theo Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam*). Bên cạnh đó ý thức sử dụng bảo hiểm của người dân ngày một nâng cao, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm phươg tiện vận tải, bảo hiểm bất động sản và y tế. Do đó thị trường Bảo hiểm Việt Nam vẫn còn rất nhiều cơ hội, đặc biệt cho các doanh nghiệp.

Sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Quốc phòng, các cơ quan ban ngành chính quyền

- ❖ Là một doanh nghiệp bảo hiểm của Bộ Quốc phòng, kể từ khi thành lập tới nay, Tổng Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các lãnh đạo, ban ngành và các đơn vị bạn thuộc Bộ Quốc phòng. Đáp lại sự quan tâm của Bộ Quốc phòng, Tổng Công ty đã chủ động, sáng tạo xây dựng nhiều sản phẩm bảo hiểm phục vụ quân đội. Sự quan tâm và hỗ trợ của Bộ Quốc phòng với Tổng Công ty là một lợi thế lớn so với các doanh nghiệp cùng ngành. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty cũng nhận được sự hỗ trợ rất hiệu quả từ Bộ Tài chính, các cơ quan ban ngành có liên quan.

Sự cố gắng, nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Tổng Công ty.

- ❖ Sự thành công của MIC cho tới ngày hôm nay là nhờ sự đóng góp, nỗ lực của toàn thể

lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty trong thời gian qua. Với những chính sách phù hợp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, kinh doanh tái bảo hiểm cùng với công tác giám định bồi thường và giải quyết bồi thường đảm bảo nhanh, đúng, đủ đã góp phần thu hút, củng cố niềm tin của khách hàng và các đối tác vào thương hiệu MIC. Thông qua nhiều chính sách, chế độ quan tâm tới người lao động trong Tổng Công ty đã khuyến khích người lao động gắn bó với MIC, nhiệt tình, sáng tạo trong công việc. Văn hóa MIC ngày càng được củng cố và là một trong những động lực giúp Tổng Công ty tăng trưởng trong thời gian qua.

### **6.2.2. Khó khăn**

Nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn

- ❖ Nền kinh tế Việt Nam năm 2011 tiếp tục phải đối mặt với tình trạng lạm phát cao, vấn đề tỷ giá, lãi suất và tình trạng nhập siêu. Những vấn đề trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư, kết quả và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Không nằm ngoài ảnh hưởng đó, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong năm vừa qua cũng gặp nhiều khó khăn. Lãi suất tăng cao ảnh hưởng không nhỏ tới chi phí của MIC cũng như khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Bên cạnh đó, là một doanh nghiệp dịch vụ nên kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế cũng gián tiếp ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động của MIC.

Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong ngành

- ❖ Hiện tại, trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam có 29 doanh nghiệp đang hoạt động. Các doanh nghiệp này cạnh tranh quyết liệt để giành thị phần trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên MIC không chỉ cạnh tranh với các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước mà còn phải cạnh tranh với các đối thủ đến từ nước ngoài với kinh nghiệm và quy mô vượt trội. Vì vậy, phí bảo hiểm có xu hướng giảm, phần trợ cấp cho các đại lý tăng dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

## **7. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.**

### **7.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành**

**Bảng 9: So sánh các Tổng Công ty cùng ngành đang niêm yết**

Chỉ tiêu	Đơn vị	MIC	PVI	BVH	BMI	PTI
Vốn điều lệ	Triệu đồng	300.000	3.219.196	6.267.091	775.000	450.000
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.070.622	6.453.102	44.767.937	3.822.061	1.471.754

Chỉ tiêu	Đơn vị	MIC	PVI	BVH	BMI	PTI
Doanh thu thuần	Triệu đồng	356.282	1.658.268	8.442.533	1.541.245	550.620
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.374	296.640	974.301	146.391	77.501
ROE	%	16,19	8,22	9,13	6,44	11,62
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	11%	15%	12%	15%	15%

*Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2010 của các Công ty*

Qua so sánh với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện đang niêm yết trên các Sở Giao dịch chứng khoán, có thể thấy MIC là một doanh nghiệp bảo hiểm mặc dù quy mô tài sản còn khiêm tốn so với các doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết. Tuy nhiên, MIC lại tỏ ra hoạt động hiệu quả với tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) khá cao. Bên cạnh đó, mặc dù thị phần còn khiêm tốn so với các đơn vị khác, MIC lại có tiềm năng rất lớn đối với mảng kinh doanh bảo hiểm phục vụ các doanh nghiệp thuộc quân đội và quân nhân.

Trên bình diện toàn thị trường, MIC đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Năm 2010, Tổng Công ty chiếm 2,62% thị phần, đứng thứ 8 trên tổng số 29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Năm 2010, tỷ lệ bồi thường của MIC đạt 29,93%. Tỷ lệ bồi thường bình quân trên thị trường là 37,44%

## **7.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam trong năm 2010 về cơ bản vẫn chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình kinh tế không thuận lợi tại Việt Nam. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang trên đà hồi phục. Ở trong nước, Chính phủ đã nỗ lực và có nhiều chính sách để kiềm chế lạm phát, giảm thâm hụt ngân sách và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững. Vì vậy, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong thời gian tới tiếp tục có những cơ hội và thách thức sau:

- Nền kinh tế đang trong đà phục hồi kể từ đợt khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, trong đó nhiều lĩnh vực sẽ hứa hẹn tăng trưởng mạnh như đóng tàu, du lịch, hàng không, xuất nhập khẩu... tạo môi trường phát triển cho các dịch vụ bảo hiểm liên quan. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp bảo hiểm hoàn thiện hơn các sản phẩm cũng như năng lực của mình trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng lớn.
- Nhu cầu bảo hiểm phương tiện giao thông, bất động sản, y tế đang ngày một tăng.

Điều này tạo điều kiện cho lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm tới.

- Thị trường bảo hiểm tại Việt Nam hiện còn rất mới và hứa hẹn một tốc độ tăng trưởng cao. Ý thức người dân ngày càng coi trọng những dịch vụ hữu ích từ bảo hiểm. Với quy mô dân số trên 86 triệu người, thị trường bảo hiểm tại Việt Nam hiện tại còn rất nhiều tiềm năng và cơ hội để tạo bước đột phá trong tương lai.
- Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, các doanh nghiệp bảo hiểm của nước ngoài được phép cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước. Vì vậy, tuy thị trường bảo hiểm có tiềm năng lớn nhưng các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài. Tuy nhiên, chính sự gia tăng cạnh tranh trên thị trường sẽ giúp thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng dịch vụ.
- Ngay tại thị trường trong nước, xu hướng giao thoa giữa ngân hàng, bảo hiểm bắt đầu thể hiện, càng tăng thêm các đầu mối cung cấp dịch vụ, cạnh tranh ngày càng lớn. Nhiều ngân hàng đã và đang khởi động kế hoạch “lấn sân” trên thị trường.

## **8. Chính sách đối với người lao động**

### **8.1. Tình hình lao động**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổng Công ty nên MIC luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/03/2011, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Tổng Công ty là 622 người

**Bảng 10: Tình hình lao động trong Tổng Công ty**

<b>Yếu tố</b>	<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>Tại 31/03/2011</b>
Số lượng nhân viên	598	622
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
■ Đại học và trên đại học	368	399
■ Cao đẳng, trung cấp, phổ thông trung học, Sơ cấp	230	223
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>		



Yếu tố	Tại 31/12/2010	Tại 31/03/2011
■ Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	-	-
■ Hợp đồng không xác định thời hạn	160	152
■ Hợp đồng lao động có thời hạn 1 – 3 năm	367	418
■ Hợp đồng lao động ngắn hạn dưới 1 năm	71	52

Nguồn: MIC

## 8.2. Chính sách đối với người lao động

### 8.2.1. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc:
  - Người lao động làm việc tại Tổng Công ty 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần
  - Người lao động được nghỉ theo quy định của Luật lao động bao gồm: nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ việc riêng...
- Chế độ bảo hiểm, phúc lợi: Tổng Công ty bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

### 8.2.2. Chính sách đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Tổng Công ty, MIC đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. MIC thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do Tổng Công ty tài trợ. Bên cạnh đó MIC còn tạo điều kiện hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập, đào tạo.

### 8.2.3. Chính sách lương

Tổng Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Tổng Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức lương tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo hiệu quả lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Tổng Công ty.

#### **8.2.4. Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Tổng Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

#### **8.2.5. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Tổng Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Cụ thể:

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9);
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu;
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

### **9. Chính sách cổ tức**

Tổng Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tổng Công ty chi trả nguồn cổ tức sau khi trích lập các quỹ theo quy định của điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.

**Bảng 11: Mức cổ tức của Tổng Công ty qua các năm**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011 (Dự kiến)</b>
Tỷ lệ trả cổ tức (%/Mệnh giá)	-	12	11	14

*Nguồn: MIC.*

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

#### 10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định:

**Tài sản cố định hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Bảng 12: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

Nhóm tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 – 06

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

#### 10.1.2. Mức lương bình quân

**Bảng 13: Bình quân thu nhập/tháng của người lao động của Tổng Công ty**

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Mức lương bình quân	4.500	6.000	8.000
% thay đổi so với năm trước	NA	33,33%	33,33%

*Nguồn: MIC*

#### 10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010 của Tổng Công ty, Tổng Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 14: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước năm 2010

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu năm	Phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.067	23.951	21.701	4.317
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.049	16.614	12.567	12.096
3. Thuế thu nhập đại lý	620	1.019	953	686
4. Thuế thu nhập cá nhân	69	1.044	916	197
5. Thuế nhà thầu	31	-	-	31
6. Thuế môn bài	-	33	33	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.837</b>	<b>42.661</b>	<b>36.170</b>	<b>17.328</b>

Nguồn: MIC

10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, trước khi thực hiện phân chia cổ tức, Tổng Công ty phải trích lập các Quỹ. Việc trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng chế độ tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

Bảng 15: Số dư các quỹ của Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Các Quỹ	Năm 2009	Năm 2010	6 tháng đầu năm 2011
Quỹ dự trữ bắt buộc	1.234	3.710	3.710

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC

10.1.6. *Tổng dư nợ vay*

**Bảng 16: Tình hình dư nợ vay theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/06/2011
1	Vay và nợ ngắn hạn	137.508	102.820	194.522
2	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
3	Các khoản nợ quá hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>137.508</b>	<b>102.820</b>	<b>194.522</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

**Bảng 17: Tình hình dư nợ vay theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/06/2011
1	Vay và nợ ngắn hạn	137.508	102.820	194.327
2	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
3	Các khoản nợ quá hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>137.508</b>	<b>102.820</b>	<b>194.327</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

10.1.7. *Tình hình công nợ hiện nay*

**Bảng 18: Các khoản phải thu của MIC năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	6 tháng đầu năm 2011
<b>I. Nợ phải thu</b>	<b>125.613</b>	<b>567.038</b>	<b>221.806</b>

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	6 tháng đầu năm 2011
1. Phải thu khách hàng	87.889	118.878	112.304
2. Trả trước cho người bán	32.562	77.196	53.006
3. Thuế GTGT được khấu trừ	13	11	222
4. Các khoản phải thu khác	5.629	372.153	57.473
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-481	-1.199	-1.199

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

**Bảng 19: Các khoản phải thu của MIC năm 2009, 2010 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	6 tháng đầu năm 2011
<b>I. Nợ phải thu</b>	<b>125.613</b>	<b>567.038</b>	<b>237.445</b>
1. Phải thu khách hàng	87.889	118.878	112.304
2. Trả trước cho người bán	32.562	77.196	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	13	11	-
4. Các khoản phải thu khác	5.629	372.153	75.467
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-481	-1.199	-1.199

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

**Bảng 20: Các khoản phải trả của MIC năm 2009, 2010 và 6 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	6 tháng đầu năm 2011	
			Hợp nhất	Công ty mẹ
<b>II. Nợ phải trả</b>	<b>398.113</b>	<b>765.746</b>	<b>434.350</b>	<b>434.156</b>
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>185.532</b>	<b>515.076</b>	<b>194.522</b>	<b>194.328</b>
1.1. Vay ngắn hạn	137.508	102.820	131.531	131.531
1.2. Phải trả người bán	15.374	22.803	23.429	23.429
1.3. Người mua trả tiền trước	3.336	3.764	4.252	4.252
1.4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.837	17.328	9.381	9.368
1.5. Phải trả công nhân viên	3.832	7.817	6.162	6.025
1.6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.644	360.545	19.767	19.723
<b>2. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>212.408</b>	<b>247.434</b>	<b>239.112</b>	<b>239.112</b>
2.1. Dự phòng phí	146.342	174.254	182.332	182.332
2.2. Dự phòng bồi thường	47.994	44.455	22.313	22.313
2.3. Dự phòng dao động lớn	18.073	28.725	34.466	34.466
<b>3. Nợ khác</b>	<b>173</b>	<b>3.236</b>	<b>717</b>	<b>717</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất và công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011	
				Hợp nhất	Công ty mẹ
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,17	1,30	1,70	1,69
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,16	1,29	1,69	1,67
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,98	71,52	57,17	57,54
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	137,99	251,17	133,49	135,55
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,33	0,26	0,26
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,35	13,86	7,52	7,72
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,29	16,19	4,61	4,81
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,49	4,61	1,97	2,04

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất, công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:



STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh
<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Đỗ Văn Hưng	Chủ tịch	25/12/1960
2	Trịnh Thanh Giảng	Phó Chủ tịch	18/05/1963
3	Lương Sỹ Nhung	Phó Chủ tịch	12/1951
4	Nguyễn Tiến Nam	Thành viên	11/08/1977
5	Bùi Hải Quân	Thành viên	06/01/1968
6	Dư Cao Sơn	Thành viên	09/04/1957
7	Trần Văn Quang	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	20/02/1961
<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Vũ Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	15/02/1975
2	Nguyễn Trác	Thành viên	25/06/1948
3	Đàm Quang Tuấn	Thành viên	22/10/1968
<b>Ban Giám đốc</b>			
1	Trần Văn Quang	Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT	20/02/1961
2	Lê Như Hải	Phó Tổng giám đốc	13/09/1977
3	Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng giám đốc	27/07/1974
4	Cao Thị Hà An	Phó Tổng giám đốc	10/09/1968
<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Phạm Anh Tuấn	Kế toán trưởng	24/05/1970

11.1. Danh sách HĐQT

11.1.1. Ông **Đỗ Văn Hưng** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/12/1960

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: P3, A6 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: (04)35739797

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1977 – 1982	Học viên Đoàn 871 Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng
1982 – 1985	Giảng viên Trường Đại học Ngoại Ngữ Quân Sự
1985 – 1991	Cán bộ Bộ Tư lệnh Đặc Công
1991 – 1993	Cán bộ Công ty Dịch vụ Xuất nhập khẩu – Bộ Quốc phòng
1993 – 1999	Cán bộ Vụ hợp tác Quốc tế - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng
1999 – 2000	Cán bộ Phòng Thanh toán Quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
2000 – 2002	Phó phòng Thanh toán Quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
05/2002-01/2005	Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế Ngân hàng TMCP Quân đội
01/2005-10/2005	Trưởng khối Tổ chức Nhân sự - Hành chính
10/2005 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

04/2010 đến nay

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 5.430.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 18,1%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 5.400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 18%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,1%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

**11.1.2. Ông Trịnh Thanh Giảng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/05/1963

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913 201451

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1981 – 1985	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
1986 – 1996	Chuyên viên Công ty Điện lực TP Hà Nội
1996 – 1997	Trưởng phòng Tổ chức Công ty Điện lực TP Hà Nội
1997 – 2007	Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Điện lực và Hạ Tầng – PIDI

2001 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Sunjin Việt Nam Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí
10/2007 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP Bảo hiểm Quân đội
2008 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Công ty Ứng dụng Công nghệ mới và Du lịch – Newtaco Phó Tổng biên tập Tạp chí Thế giới Di sản

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Công ty Ứng dụng Công nghệ mới và Du lịch – Newtaco; Phó Tổng biên tập Tạp chí Thế giới Di sản.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 2.100.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 2.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 7%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

### ***11.1.3. Ông Lương Sỹ Nhung – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị***

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/1951

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: Số 1 ngõ 475 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0918 764347

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1994 – 1999	Giám đốc Công ty Xây dựng 384 – Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn
7/1999 – 4/2004	Phó Tư lệnh – Phó Tổng Giám đốc – Binh đoàn 12/Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn
5/2004 đến nay	Tư lệnh/Tổng Giám đốc – Binh đoàn 12 – Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công Ty Xây dựng Trường Sơn

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Tư lệnh/Tổng Giám đốc Binh đoàn 12.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 1.565.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,22%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 5%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 65.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,22%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

#### **11.1.4. Ông Nguyễn Tiến Nam - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/08/1977

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Tập thể Công ty Xây dựng 319, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0912 048558

Trình độ văn hoá: Tốt nghiệp đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
04/2001 - 04/2004	Nhân viên tài chính Xí nghiệp 29/ Công ty 319/ Bộ Quốc phòng
04/2004 - 10/2008	Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Xây dựng 319/ Bộ Quốc phòng
11/2008 - 04/2009	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Xây dựng 319/ Bộ Quốc phòng
04/2009 - 08/2009	Phó Chánh văn phòng Công ty Xây dựng 319/ Bộ Quốc phòng
08/2009 - hiện nay	Chánh văn phòng Công ty TNHH một thành viên 319/ Bộ Quốc phòng (Công ty Xây dựng 319 được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên 319 từ tháng 3/2010 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)
05/2010 - hiện nay	Kiểm chức Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên 319 – Bộ Quốc phòng

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chánh văn phòng kiêm Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên 319 – Bộ Quốc phòng.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 2.100.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 2.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 7%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

#### ***11.1.5. Ông Bùi Hải Quân - Ủy viên Hội đồng quản trị***

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/01/1968

Nơi sinh: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Hiền Quan, huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Số 10 Lô 2B, Khu Đô thị Trung Yên, phố Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: Tốt nghiệp đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1986 – 1987	Sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
1987 – 1991	Sinh viên Trường Kinh tế Quốc dân Kiev, nước Cộng hòa Ucraina
1991 – 1993	Thực tập sinh, cộng tác viên khoa học trường Đại học Kinh tế quốc dân Kiev, Ucraina
1993 – 1998	Giám đốc Công ty TNHH Jashma, Kiev, Ucraina
1998 – 2000	Kinh doanh tự do – Hà Nội, Việt Nam
2000 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải
2006 – 2008	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam (VP Bank)
6/2007 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt
12/2008 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng VP Bank
12/2009	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hồng Hải

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP VP Bank; Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hồng Hải; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải;

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 2.100.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 2.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 7%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

*11.1.6. Ông Dư Cao Sơn – Ủy viên Hội đồng quản trị*

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 9/4/1957

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: 41A Phan Đình Phùng, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử, cử nhân luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1974	Nhập ngũ
1975 – 1980	Học viên Đại học Kỹ thuật Quân sự
1980 – 1984	Quản đốc phân xưởng – Xưởng A30 – Quân chủng Phòng không
1984 – 1989	Phân viện Tác chiến Điện tử - Viện Kỹ thuật Quân sự
1989 – 2000	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Tecapro
2000 đến nay	Trưởng phòng XNK4 – Công ty VAXUCO
2003 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Hóa dầu Quân đội (MIPEC)
10/2007 đến nay	Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty CP Hóa dầu Quân đội.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 2.120.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,066%. Trong đó:



- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 2.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 7%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,066 %

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

#### *11.2. Danh sách Ban kiểm soát*

##### *11.2.1. Ông Vũ Thị Dung – Trưởng Ban Kiểm soát*

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1975

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Số 34 ngõ 268/58/24, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0988 778976

Trình độ văn hoá: Tốt nghiệp đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1997 – 2001	Kế toán Tổng hợp – Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước
2001 – 2006	Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) – Deloitte
2006 – 2007	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Cửa sổ Nhựa Châu Âu
2007 – 2010	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Eurowindow Holding
1.1.2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Eurowindow Holding
2007 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Eurowindow Holding.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 3.301.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 11,003%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 3.300.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 11%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,0033%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

**11.2.2. Ông Nguyễn Trác – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/06/1948

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 27, ngõ 67 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
9/1967 – 8/1971	Sinh viên khoa kinh tế vật giá – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
9/1971 – 2/1972	Công tác tại Ủy ban Vật giá Nhà nước
2/1972 – 8/1972	Nhập ngũ vào quân đội huấn luyện tân binh tại Đoàn 808 Tổng cục Hậu Cần
9/1972 – 10/1973	Trợ lý hàng hóa Ban tham mưu Binh trạm 10 Tổng cục Hậu Cần
10/1973 – 4/1995	Công tác tại Nhà máy Z25 Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng

5/1995 – 12/2004	Trợ lý tài chính doanh nghiệp tại Chi cục Tài chính Doanh nghiệp – Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng
03/2005 – 03/2009	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Dược phẩm Tiến Minh
4/2009 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CP Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 10.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,033%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,033%

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

### ***11.2.3. Ông Đàm Quang Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát***

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1968

Nơi sinh: Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phường Minh An, Hội An, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 90 Bạch Đằng, Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
Tháng 5/1995	Chủ nhiệm HTX sửa chữa Ô tô Quang Vinh
Tháng 5/1995 – 7/1997	Trưởng xưởng Ô tô Đăng kiểm – Sở giao thông

Tháng 7/1997 – 8/2000	Giám đốc Công ty TNHH An Thịnh
Tháng 9/2000 – 1/2004	Giám đốc Trung tâm kinh doanh địa ốc và đầu tư phát triển công nghiệp 579
Tháng 1/2004 – 4/2006	Giám đốc Công ty Đầu tư và Xây dựng 579
Tháng 5/2006 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 579

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Đà Nẵng
- Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư Đà Nẵng
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ tại 25/05/2011: 1.200.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 4%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 1.200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 4%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Nắm giữ cổ phần của người có liên quan: 0

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

### *11.3. Danh sách Ban Giám đốc*

#### *11.3.1. Ông Trần Văn Quang*

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/02/1961

Nơi sinh: Quảng Tân- Quảng Xương- Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Tân- Quảng Xương- Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 08 Hàng Đường- Hoàn Kiếm - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0975999909

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
11/1978- 7/1980	Đi bộ đội- Sư đoàn 320A, Quân đoàn 3
3/1986 -15/9/1994	Chuyên viên- Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam
16/9/1994 - 7/1995	Chuyên viên- Tổng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
8/1995 - 5/1996	Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính- Tổng hợp- Tổng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
6/1996 - 8/1998	Phó Tổng Giám đốc- Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
9/1998- 4/2007	Bộ Tài chính điều động biệt phái sang giữ chức Phó Tổng Giám đốc -Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.
5/2007- 17/10/2007	Ban trụ bị thành lập Công ty Cổ phần Bảo hiểm quân đội
18/10/2007- nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư MIC

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ 175.000cp chiếm tỷ lệ 0,058%. Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,05%

Nắm giữ cổ phần của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%/Vốn điều lệ)
1	Phạm Hồng An	Vợ	25.000	0,008

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

**11.3.2. Ông Lê Như Hải**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/9/1977

Nơi sinh: Duyên Hòa- Lam Điền- Chương Mỹ - Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duyên Hòa- Lam Điền- Chương Mỹ - Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Số nhà 12 ngách 25 ngõ 162- Lê Trọng Tấn- Thanh Xuân- Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0983542276

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1/2000-4/2001	Kế toán vật tư- Khách sạn Quốc tế ASEAN
5/2001- 12/2002	Phó phòng Kế toán- Khách sạn Quốc tế ASEAN
1/2003 – 11/2006	Trưởng phòng Kế toán- Khách sạn Quốc tế ASEAN
12/2006- 13/5/2007	Phó Giám đốc- Khách sạn Quốc tế ASEAN
14/5/2007- 18/10/2007	Ban trụ bị thành lập Công ty Bảo hiểm Quân đội
19/10/2007- 6/2010	Kế toán trưởng- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
7/2010- nay	Phó Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ 10.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,035%.

Trong đó:

- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,035%

- Nắm giữ cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

**11.3.3. Ông Lê Tuấn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/7/1974

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hưng Thông - Hưng Nguyên - Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số 6 Ngõ 434, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0973942727; (04) 38329883

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
3/1996 - 11/1998	Chuyên viên - Công ty Bảo hiểm Dầu khí
12/1998 - 14/5/2003	Phó phụ trách phòng Tái Bảo hiểm - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
15/5/2003 - 12/2005	Trưởng phòng Quản lý nghiệp vụ Pháp chế - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.
1/2006 - 9/2007	Phó Giám đốc Hội sở giao dịch - Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.
10/2007 - 4/2008	Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
5/2008- nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0064%.

Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,0065%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

**11.3.4. Bà Cao Thị Hà An**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 10/9/1968

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 271/14 An Dương Vương, Phường3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 0986988999

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
7/1992- 1/2000	Nhân viên- Công ty Vật tư Bưu điện 2- Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam
2/2000- 8/2002	Phó phòng Tài sản kỹ thuật- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
9/2002- 12/2003	Trưởng phòng Tài sản kỹ thuật- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
1/2004 – 7/2007	Trưởng phòng kinh doanh Bảo hiểm số 1- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
8/2007- 18/10/2007	Ban trụ bị thành lập Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
19/10/2007- 4/2008	Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội- Chi nhánh Hồ Chí Minh
5/2008- nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không



Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ 65.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,22%.  
Trong đó:

- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 65.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,22%

Nắm giữ cổ phần của người có liên quan: không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

#### **11.4. Kế toán trưởng**

##### **11.4.1. Ông Phạm Anh Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/5/1970

Nơi sinh: Thị xã Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tự Tân – huyện Vũ Thư – tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Phòng 704 CT5-ĐN2- Khu đô thị mới Mỹ Đình 2-Từ Liêm-Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 016888 01 555

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
09/1993-06/2000	Cán bộ Vụ Tài chính - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng&Kinh tế
07/2000-12/2008	Cán bộ Phòng Tài chính - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng
01/2009-12/2009	Phụ trách phòng Tổng hợp - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
01/2010- 6/2010	Trưởng phòng Tổng hợp - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
07/2010- 3/2011	Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
04/2011- nay	Kế toán trưởng - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân và những người liên quan nắm giữ 23.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0078 %.

Trong đó:

- Số cổ phần đại diện cho cổ đông tổ chức: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 8.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,0028 %

Nắm giữ cổ phần của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%/Vốn điều lệ)
1	Lê Thị Chuyên	Vợ	15.000	0,005

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có

## 12. Tài sản

### 12.1. Thông tin chung về tình hình tài sản của Tổng Công ty

**Bảng 22: Tình hình tài sản của Tổng Công ty năm 2009, 2010 và 6 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Khoản mục	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011	
				Hợp nhất	Công ty mẹ
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>403.126</b>	<b>667.654</b>	<b>331.081</b>	<b>327.829</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	78.889	54.281	28.631	27.088
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	159.705	34.848	31.891	31.891
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	125.613	567.038	221.805	237.445
4	Hàng tồn kho	1.578	2.517	2.882	2.877
5	Tài sản ngắn hạn khác	37.342	8.971	45.872	28.528
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>283.489</b>	<b>402.968</b>	<b>428.677</b>	<b>426.659</b>

STT	Khoản mục	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011	
				Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tài sản cố định	19.089	26.126	28.778	27.512
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	256.559	266.104	264.738	264.738
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	102.505	126.824	126.072
4	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	7.841	8.233	8.337	8.337

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC hợp nhất và Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC*

## 12.2. Tài sản cố định của Tổng Công ty

**Bảng 23: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	34.458	8.872	25.588
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.713	73	8.641
2	Phương tiện vận tải	17.838	4.825	13.013
3	Thiết bị văn phòng	7.907	3.974	3.934
II	Tài sản cố định vô hình	1.357	819	538
	<b>Cộng</b>	<b>35.815</b>	<b>9.691</b>	<b>26.126</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010 của MIC*

**Bảng 24: Tình hình tài sản cố định theo báo cáo hợp nhất tại thời điểm 30/06/2011**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	39.573	11.216	28.357

1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.714	218	8.496
2	Máy móc thiết bị	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	21.852	6.116	15.736
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	9.007	4.882	4.125
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.461</b>	<b>1.066</b>	<b>395</b>
	<b>Cộng</b>	<b>41.034</b>	<b>12.282</b>	<b>28.752</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của MIC

**Bảng 25: Tình hình tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ tại thời điểm 30/06/2011**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>37.408</b>	<b>10.075</b>	<b>27.332</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.714	145	8.568
2	Máy móc thiết bị	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	19.808	5.490	14.318
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	8.886	4.440	4.446
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.461</b>	<b>946</b>	<b>516</b>
	<b>Cộng</b>	<b>38.869</b>	<b>11.021</b>	<b>27.848</b>

Nguồn: BCTC công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2011 của MIC

### 12.3. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Tổng Công ty

**Bảng 26: Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Tổng Công ty**

STT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức thuê hoặc giao đất	Mục đích sử dụng

STT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức thuê hoặc giao đất	Mục đích sử dụng
1	54 Lê Văn Lương kéo dài, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	28.800m <sup>2</sup>	Giao đất	Văn phòng, trung tâm thương mại, nhà ở
2	199 Lê Thánh Tông, tp Buôn Ma Thuột	124,2m <sup>2</sup>	Đất ở đô thị	Văn phòng
3	45 Nguyễn Văn Linh, P.Nam Dương, Q.hải Châu, TP Đà Nẵng	105.3m <sup>2</sup>	Đất ở đô thị	Văn Phòng
4	Nhà B3-2, Khối 3, Phường Đội Cung, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	121m <sup>2</sup>	Đất ở đô thị	Văn Phòng
5	Văn phòng tại tòa nhà MIPEC Tower 229 Tây Sơn, Đống Đa	1.800 m <sup>2</sup>	Thuê 46 năm	Văn Phòng

*Nguồn: MIC*

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

**Bảng 27: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Tổng Công ty**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	+/- % so với 2011 (%)	Năm 2013	+/- % so với 2012 (%)
1	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	400.000	400.000	-	400.000	-
2	Doanh thu bảo hiểm (Triệu đồng)	535.000	645.000	20,56	780.000	20,93
3	Thu từ hoạt động đầu tư (Triệu đồng)	65.000	80.000	23,08	88.000	10,00
4	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	70.000	90.000	28,57	100.000	11,11

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	+/- % so với 2011 (%)	Năm 2013	+/- % so với 2012 (%)
5	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	52.500	67.500	28,57	75.000	11,11
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	13,13	16,88		18,75	
7	Tỷ lệ cổ tức (%/Mệnh giá)	14	15		16	

*Nguồn: MIC.*

**Căn cứ thực hiện kế hoạch:**

- Tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn. Lạm phát, tỷ giá và lãi suất còn ở mức cao. Tuy nhiên, những chính sách của Đảng và nhà nước đã được đề ra đúng hướng và đang dần phát huy hiệu quả. Trong thời gian tới, với sự điều hành sát sao, nỗ lực, nền kinh tế Việt Nam sẽ dần đi vào ổn định và phục hồi mức tăng trưởng cao.
- Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Tổng Công ty, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong thời gian qua đã có sự tăng trưởng tốt. Tốc độ tăng trưởng của thị trường khoảng 20%/năm. Bên cạnh đó, với dân số gần 90 triệu dân, và đời sống không ngừng được cải thiện, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam tiếp tục thể hiện là thị trường có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian tới.
- Kể từ khi đi vào hoạt động tới nay, Tổng Công ty luôn nhận được sự động viên, giúp đỡ của Bộ Quốc phòng, các doanh nghiệp trong Quân đội. Với sự hỗ trợ này, Tổng Công ty tin tưởng sẽ thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

**14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu bảo hiểm từ 20% - 30% và duy trì mức cổ tức cho cổ đông ở mức trên 14%/năm. Thị trường bảo hiểm Việt Nam đang trong quá trình phát triển và thể hiện là thị trường nhiều tiềm năng. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, nhu cầu bảo hiểm của các doanh nghiệp, người dân cũng ngày một tăng. Hiện tại 29 doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ mới chỉ khai thác được một phần nhỏ so với nhu cầu của thị

trường bảo hiểm gần 90 triệu dân ở Việt Nam. Bên cạnh đó, kể từ khi thành lập cho tới nay, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội luôn đạt được tốc độ phát triển trên 20%. Với lợi thế là doanh nghiệp bảo hiểm thuộc Bộ Quốc phòng, Tổng Công ty có thể mạnh trong việc khai thác các sản phẩm bảo hiểm cho đối tượng là doanh nghiệp quốc phòng, bảo hiểm cho quân nhân. Trên cơ sở đánh giá về năng lực, tiềm năng phát triển và cơ hội thị trường, Chúng tôi cho rằng, Tổng Công ty có cơ sở để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng**

Không có

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán chào bán cổ phiếu ra công chúng**

Không có

**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

- |  |                                      |
|--|--------------------------------------|
| <b>1. Loại cổ phiếu</b>  | <b>Cổ phiếu phổ thông</b>            |
| <b>2. Mệnh giá</b>   | <b>10.000 đồng/cổ phần</b>           |
| <b>3. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán</b>   | <b>10.000.000 cổ phần. Trong đó:</b> |
| ▪ Chào bán cho cổ đông hiện hữu:   | 6.000.000 cổ phần                    |
| ▪ Chào bán cho cán bộ công nhân viên:  | 1.500.000 cổ phần                    |
| ▪ Chào bán cho đối tác chiến lược:   | 2.500.000 cổ phần                    |
| <b>4. Giá chào bán dự kiến</b>   |                                      |
| ▪ Giá chào bán dự kiến:  | 10.000 đồng/cổ phần                  |
| <b>5. Phương thức phân phối :</b>  |                                      |
| – <b>Đối với cổ đông hiện hữu:</b>   |                                      |
| ▪ Phương thức phân phối: Thực hiện quyền. Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền theo thông báo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty sẽ được mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:2 (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ sẽ được nhận 01 quyền mua cổ phần mới. Cứ 10 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phần mới). Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần được phép chuyển nhượng quyền mua của mình 01 lần duy nhất cho người khác và không được chuyển nhượng cho bên thứ ba. |                                      |
| – <b>Đối với cán bộ công nhân viên:</b>  |                                      |

- Cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty được mua cổ phần căn cứ theo thông báo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.
- **Đối với đối tác chiến lược:**
  - Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược:
    - Đối tác chiến lược là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp.
    - Có khả năng hỗ trợ Tổng Công ty trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty.
    - Không có xung đột về lợi ích đối với Tổng Công ty. Cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng Công ty.
  - Hội đồng quản trị Tổng Công ty sẽ lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ theo các tiêu chí trên. Căn cứ vào thông báo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty, các đối tác chiến lược thực hiện việc nộp tiền mua cổ phiếu.
- **Hạn chế chuyển nhượng :**
  - Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên không bị hạn chế chuyển nhượng.
  - Đối tác chiến lược đáp ứng tiêu chí lựa chọn đối tác mua cổ phần của Tổng Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày Tổng Công ty báo cáo kết quả chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- **Xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không bán hết :**
  - Toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn, phát hành cho đối tác chiến lược sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không phân phối hết sẽ được giao lại cho Hội đồng quản trị để phân phối cho nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.
  - Trong trường hợp sau khi Hội đồng quản trị đã xử lý số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không phân phối hết theo phương án như trên mà vẫn không phân phối hết, Hội đồng quản trị sẽ hủy số lượng cổ phần còn dư và đăng ký kinh doanh trên số lượng cổ phần đã được phân phối.

## **6. Phương pháp tính giá**

Giá chào bán được xác định theo phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:



$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{304.876.221.041}{30.000.000} \\ \text{tại 31/12/2010} &= 10.162 \text{ (đồng/cổ phiếu)} \end{aligned}$$

Căn cứ trên giá trị sổ sách của Tổng Công ty tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội đã nhất trí thông qua mức giá phát hành cho các đối tượng tại Nghị quyết số 05/2011/NQ-HĐQT ngày 26/04/2011 là 10.000 đồng/cổ phần.

### **7. Thời gian phân phối cổ phiếu**

Thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận chào bán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Dự kiến thực hiện: trong Quý III năm 2011

#### **Lịch trình phân phối cổ phiếu**

<b>STT</b>	<b>Công việc</b>	<b>Thời gian</b>
1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 7
3	Chốt danh sách cổ đông	T + 17
4	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần	T + 27
5	Cổ đông đăng ký, nộp tiền mua cổ phần	T + 27 – T + 50
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 27 – T + 47
7	Tổng hợp thực hiện quyền	T + 45 – T+50
8	Báo cáo kết quả phát hành	T + 51 – T + 60
9	Chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư	T + 60 – T + 90

( T- Ngày làm việc dự kiến)

## **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Thực hiện nhận đăng ký mua cổ phiếu: Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Thời hạn nhận đăng ký: Theo quy định của tổ chức phát hành
- Số lượng:
  - Đối với cổ đông hiện hữu: tại ngày chốt danh sách cổ đông mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần cũ sẽ có 01 quyền mua cổ phần mới, cứ 10 quyền mua được mua 02 cổ phần mới với giá 10.000 đồng/cổ phần.
  - Đối với cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược: căn cứ theo thông báo của Hội đồng quản trị về danh sách, số lượng cổ phần được mua của cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.
- Phương thức thanh toán:
  - Nhà đầu tư chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng theo địa chỉ:
    - Tên đơn vị thụ hưởng: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
    - Tài khoản số: 0201122334428
    - Tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng – Phòng Giao dịch Nam Trung Yên
    - Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Viglacera, số 01, Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
    - Nội dung nộp tiền: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
- Chuyển giao cổ phiếu:
  - Thực hiện trong vòng 30 ngày từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu:
  - Không hạn chế số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu:
  - Cổ đông sở hữu các cổ phiếu mới được hưởng đầy đủ quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu của các đợt phát hành kế tiếp và các quyền lợi liên quan khác tương tự như các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

## **9. Phương thức thực hiện quyền**

- Điều kiện thực hiện quyền:

- Người sở hữu quyền mua cổ phần phát hành thêm là cổ đông của Tổng Công ty, có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng, cứ sở hữu 01 cổ phần sẽ được tương ứng 01 quyền mua. Quyền mua cổ phần phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng 1 lần và không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
- Người sở hữu quyền mua do mua lại, được cho, thừa kế quyền mua của cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng và đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng sở hữu quyền mua theo quy định.

- Thời gian thực hiện quyền:

Theo như điều 7.

- Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Cổ đông hiện hữu sở hữu 10 quyền mua được mua thêm 02 cổ phần phát hành thêm.
- Đối với số cổ phần lẻ (nếu có) phát sinh sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Việc xử lý số cổ phần lẻ được thực hiện theo quy định tại mục V.5 – Phương thức phân phối. Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 113 cổ phiếu MIC sẽ được mua thêm:  $113 * 2/10 = 22,6$  cổ phần. Theo nguyên tắc xử lý cổ phần lẻ nêu trên, số cổ phần mà cổ đông A thực nhận là 22 cổ phần phát hành thêm.

- Các điều khoản có liên quan:

- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phần phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.
- Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.
- Trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc giấy Thông báo sở hữu quyền mua, người sở hữu quyền mua cũng có thể thực hiện quyền của mình tại Trụ sở Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội. Tuy nhiên người thực hiện quyền phải điền vào giấy báo mất trong đó cam kết chịu mọi trách nhiệm có liên quan về việc thực hiện quyền của mình.
- Sau khi kết thúc đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không

bán hết sẽ giao cho cho HĐQT quản lý và chào bán cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

#### **10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ - TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, mức góp vốn của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần đại chúng tối đa 49% vốn điều lệ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty không quy định tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty đối với người nước ngoài.

Tại thời điểm 20/05/2011, Tổng Công ty không có cổ đông nước ngoài.

#### **11. Các loại thuế có liên quan**

Theo các quy định hiện hành, hoạt động của Tổng Công ty chịu các loại thuế là thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập của các đại lý, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu và thuế môn bài.

Đối với cổ đông mua cổ phần phát hành thêm sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 với mức thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán.

#### **12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong toả do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội. Chi tiết như sau:

- Tên đơn vị thụ hưởng: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
- Tài khoản số: 0201122334428
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng – Phòng Giao dịch Nam Trung Yên
- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Viglacera, số 01, Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
- Nội dung nộp tiền: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội

## **VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

### **1. Mục đích chào bán**

Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này nhằm mục đích:

- Trang bị cơ sở vật chất cho một số công ty, chi nhánh mới thành lập.
- Bổ sung vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư MIC
- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

### **2. Phương án khả thi**

- Dự kiến số tiền thực thu được sau đợt chào bán như sau :
  - o Số vốn điều lệ tăng thêm: 100.000.000.000 đồng.
  - o Tổng số tiền thực thu được từ đợt chào bán: 100.000.000.000 đồng.
- Dự kiến, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư trang thiết bị cho một số công ty, chi nhánh của Tổng Công ty mới thành lập và góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư MIC. Cụ thể như sau :
  - o Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, vốn lưu động cho một số Công ty mới thành lập: 40.000.000.000 đồng.
  - o Bổ sung vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư MIC: 43.560.000.000 đồng.
  - o Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty: 16.440.000.000 đồng.
- Sự cần thiết phải tăng vốn :
  - Nhằm đảm bảo đủ vốn pháp định để mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh theo hướng thành lập thêm các chi nhánh tại các địa bàn tiềm năng cũng như xin phép Bộ Tài chính nghiên cứu và triển khai nghiệp vụ bảo hiểm hàng không khi có đủ điều kiện.
  - Tăng vốn chủ sở hữu để tăng mức giữ lại từ các dịch vụ phải tái bảo hiểm nhằm mục đích kinh doanh có hiệu quả. Tăng năng lực tài chính để đủ điều kiện đấu thầu các dự án có số tiền được bảo hiểm lớn.
  - Tìm cổ đông chiến lược, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng nhằm tận dụng lợi thế, thế mạnh của cổ đông chiến lược cho sự phát triển của Tổng Công ty.
- Hiệu quả từ việc tăng vốn :
  - Đối với Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
    - Huy động được nguồn vốn để phát triển hoạt động kinh doanh hiện tại, mở rộng đầu

tư các dự án mới trong thời gian tới.

- Đa dạng hóa sở hữu, thu hút được cổ đông chiến lược hỗ trợ MIC về mặt quản lý, quản trị công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng đối tác kinh doanh.
  - Nâng cao năng lực tài chính cho Tổng Công ty, từ đó tăng mức phí giữ lại, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu. Xây dựng thương hiệu, hình ảnh của Công ty trên thị trường.
- Đối với cổ đông hiện hữu :
- Được tiếp tục đầu tư vào MIC thông qua việc mua thêm cổ phần với giá ưu đãi. Đối với việc phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ thì tỷ lệ lợi nhuận trên vốn điều lệ vẫn ở mức hợp lý (Năm 2011 dự kiến đạt 13,13%.) Hơn nữa, phương án này giảm thiểu vốn vay tín dụng, gia tăng lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty từ đó gia tăng lợi ích của cổ đông, đảm bảo sự tăng trưởng an toàn và bền vững cho Tổng Công ty.
- Đối với cán bộ công nhân viên :
- Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên MIC tiếp tục được đầu tư thêm vào công ty thông qua việc mua thêm cổ phiếu với giá ưu đãi sẽ động viên, khuyến khích tinh thần làm việc và sự gắn bó lâu dài của họ đối với Tổng Công ty.
- Phương án đầu tư :
- Theo kế hoạch phát triển 05 năm (2008 – 2012), Tổng Công ty sẽ thành lập từ 25 – 30 Chi nhánh và 60 phòng kinh doanh. Thực hiện kế hoạch trên, năm 2011 Tổng Công ty có kế hoạch thành lập 4 Chi nhánh. Vốn đầu tư trang bị cơ sở vật chất ban đầu cho các Chi nhánh mới dự kiến là 10 tỷ đồng/chi nhánh. Tổng vốn đầu tư cơ sở vật chất cho 4 Chi nhánh là 40 tỷ đồng.
  - Hạng mục đầu tư :
    - Thuê địa điểm hoạt động cho các Công ty trực thuộc, đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của các Công ty trực thuộc: 12.000.000.000 đồng. Bình quân mỗi chi nhánh được đầu tư là : 3 tỷ đồng.
    - Cấp vốn lưu động cho các Công ty trực thuộc, tăng khả năng thanh khoản: 28.000.000.000 đồng. Bình quân mỗi chi nhánh được cấp : 7 tỷ đồng.
  - Thời gian thực hiện : Quý III, IV năm 2011.
  - Công ty cổ phần Đầu tư MIC (MIC Invest) là một công ty con của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội. Công ty có đăng ký kinh doanh số 0105199713 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/3/2011. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư MIC đã ban hành Nghị quyết số 01/QĐ-MIC INVEST về việc thông qua phương án phát hành tăng

vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Trong đó, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội góp thêm 43.560.000.000 đồng để đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu 99%. Tổng số vốn góp của MIC sau khi hoàn tất đợt tăng vốn của MIC Invest là 49,5 tỷ đồng. Mục đích của đợt tăng vốn là để thành lập sàn giao dịch bất động sản và đầu tư một số dự án bất động sản. Thời gian thực hiện trong Quý III năm 2011.

➤ Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty: 16.440.000.0000 đồng.

## **VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Ngay sau khi hoàn tất thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng và thu được số tiền dự kiến là 100.000.000.000 đồng, Tổng Công ty sẽ thực hiện giải ngân số tiền thu được để đầu tư cơ sở vật chất cho 04 Chi nhánh mới thành lập, góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư MIC và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

## **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**

### **1. Tổ chức kiểm toán:**

#### **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 6288 3588 Fax: (04) 6288 5678

### **2. Tổ chức tư vấn:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 74, Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 6288 2006 Fax: (04) 6288 2008

### **3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán:**

Đợt phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty không thực hiện bảo lãnh phát hành.

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, MIC là một doanh nghiệp bảo hiểm có những lợi thế nhất định trong hoạt động kinh doanh. Qua so sánh với các công ty trong cùng ngành đang niêm yết, quy mô vốn của MIC vẫn còn tương đối khiêm tốn. Để đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Tổng Công ty cần phải bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu bên cạnh việc huy động thêm một các nguồn vốn khác. Do đó, MIC đã xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ, đồng thời hoàn thiện thủ tục xin phép Bộ Tài chính trước khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Nhằm đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành, Tổng Công ty đã đa dạng hóa đối tượng chào bán gồm: cổ đông hiện hữu, cán bộ công

nhân viên và đối tác chiến lược. Vì vậy, Chúng tôi cho rằng đợt chào bán có cơ sở để thành công và tuân thủ quy định của pháp luật.

## **IX. PHỤ LỤC**

1. Giấy ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội cho Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đại diện hoàn tất các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu;
2. Giấy đăng ký chào cổ phiếu ra công chúng;
3. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
4. Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007, điều chỉnh ngày 31/5/2011;
5. Bản sao hợp lệ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
6. Các báo cáo tài chính:
  - 6.1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 và năm 2010 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
  - 6.2. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 (hợp nhất và công ty mẹ) của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
7. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2011/NQ-HĐQT thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành;
9. Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu số 03/2011/HĐTVPH-TVTC giữa Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội;
10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phân phối cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược và một số nội dung khác;
11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
12. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua danh sách cổ đông chiến lược và thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
13. Công văn số 6863/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 26/5/2011 về việc chấp thuận nguyên tắc việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội.



Hà Nội, ngày ..... tháng.....năm 2011

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Hưng

Trần Văn Quang

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Vũ Thị Dung

Phạm Anh Tuấn

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**

Nguyễn Hữu Tú